

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

- Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
- Tên viết tắt: DOWACO
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 48, Cách mạng tháng 8, P.Quyết Thắng, Tp.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
- Điện thoại: (0251) 3843 316 Fax: (0251) 3847 149
- Website: www.dowaco.vn
- Mã chứng khoán: DNW
- Người CBTT: **PHAN HÙNG**
- Chức danh: Giám đốc
- Loại thông tin công bố:

Định kỳ

24h

Theo yêu cầu

Khác

Nội dung công bố thông tin như sau:

Báo cáo thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai (đính kèm Báo cáo thường niên năm 2018).

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 28/3/2019 tại đường dẫn <http://dowaco.vn/quan-he-co-dong.aspx>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng Công ty Sonadezi;
- TV.HĐQT Công ty;
- Ban Giám đốc Công ty;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu: VT-TCHC.

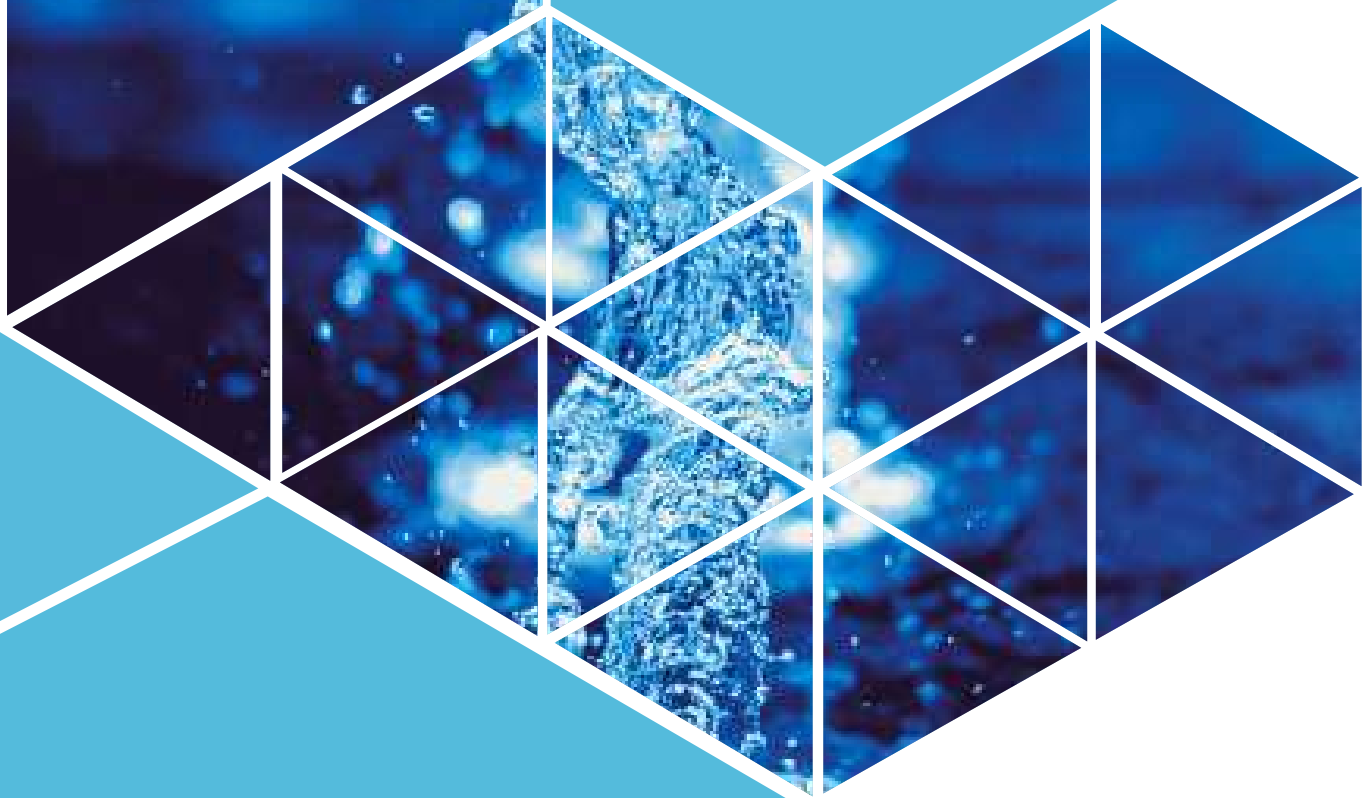
VT Ân





**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI**

**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
2018**





2018

MỤC LỤC

D N T W

03

THÔNG TIN CHUNG

27

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

51

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

67

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

75

QUẢN TRỊ CÔNG TY

83

BÁO CÁO TÀI CHÍNH





01



THÔNG TIN CHUNG

- Thông tin khái quát
- Quá trình hình thành và phát triển
- Các giải thưởng tiêu biểu
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Sơ đồ tổ chức
- Định hướng phát triển
- Rủi ro





THÔNG TIN KHÁI QUÁT

- **Tên Công ty** CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
- **Tên viết tắt** DOWACO
- **Tên tiếng Anh** Dong Nai Water Joint Stock Company
- **Giấy CNĐKDN** 3600259296 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 29/12/2014.
- **Vốn điều lệ** 1.000.000.000.000 đồng
- **Vốn chủ sở hữu** 1.361.546.304.078 đồng
- **Trụ sở chính** Số 48 Cách mạng tháng 8, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.
- **Điện thoại** (0251) 384 3316
- **Fax** (0251) 384 7149
- **Email** capnuocdongnai@dowaco.vn
- **Website** www.dowaco.vn
- **Mã cổ phiếu** DNW
- **Logo**



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Nhà máy nước Biên Hòa do người Pháp thiết kế và xây dựng với công suất là 1.450m³/ngày.

Công ty Khoan cấp nước Đồng Nai đã cải tạo nâng cấp thêm trạm bơm giếng ngầm, cấp nước cho hơn 1.500 hộ dân với công suất 2.740m³/ngày.

Năm 1990 là giai đoạn khó khăn nhất đối với Công ty Khoan cấp nước Đồng Nai do ảnh hưởng của cơ chế bao cấp. Trong điều kiện xã hội đang chuyển biến, nhưng Công ty chuyển đổi không kịp. Nội bộ Công ty hoạt động mất ổn định, tình hình cấp nước không đảm bảo yêu cầu của xã hội. UBND tỉnh Đồng Nai quyết định giải thể Công ty Khoan cấp nước và thành lập mới Công ty Cấp nước Đồng Nai vào tháng 4/1990.

1928

1967

1977

1987

1990

Cơ quan viện trợ của chính phủ Úc tài trợ xây dựng thêm 1 cụm xử lý mới với công suất 15.000m³/ngày. Tổng công suất là 16.500m³/ngày.

Thành lập Xí nghiệp Khai thác nước Xuân Lộc tách khỏi Công ty Khoan cấp nước Đồng Nai. Xí nghiệp xây dựng thêm 2 trạm bơm nước, công suất 3.300m³/ngày.

Công ty Cấp nước Đồng Nai mở rộng nhà máy nước Biên Hòa từ 22.000m³/ngày lên 36.000m³/ngày để tăng nguồn nước cung cấp cho các khu dân cư của TP. Biên Hòa.

Tổng công suất khai thác đạt 135.348m³/ngày; số lượng khách hàng sử dụng nước đạt 57.736 hộ. Công ty đón nhận Huân chương lao động hạng II.

Ngày 09/03/2016, cổ phiếu công ty được chấp thuận đăng ký giao dịch trên UPCoM với mã chứng khoán DNW và ngày 16/03/2016, DNW lần đầu giao dịch trên UPCoM với giá đóng cửa cuối phiên là 17.000 đồng/cổ phiếu. Tổng công suất khai thác năm 2016 đạt 308.101m³/ngày; số lượng khách hàng sử dụng nước đạt 202.269 hộ.

1993

1996

2005

2014

2016

Công ty vinh dự được Chủ tịch Nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng III.

CTCP Cấp nước Đồng Nai được cổ phần hóa từ Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai. Tổng công suất khai thác năm 2014 đạt 293.615m³/ngày; số lượng khách hàng sử dụng nước đạt 150.356 hộ.



CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU

2015

Quyết định	Hình thức	Cấp khen	Nội dung
Số 1336/QĐUBND ngày 09/05/2016	Bằng Khen	UBND tỉnh Đồng Nai	Công ty CP Cấp nước Đồng Nai đạt thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước từ 2014 – 2015.
	Cờ thi đua	UBND tỉnh Đồng Nai	Công ty CP Cấp nước Đồng Nai đạt thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước năm 2015.

2016

Quyết định	Hình thức	Cấp khen	Nội dung
Số 3238/QĐUBND ngày 06/10/2016	Bằng Khen	UBND tỉnh Đồng Nai	Công ty CP Cấp nước Đồng Nai đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động SXKD từ năm 2013 - 2015 góp phần vào sự nghiệp xây dựng và phát triển tỉnh Đồng Nai.
	Khánh vàng	UBND tỉnh Đồng Nai	Công ty CP Cấp nước Đồng Nai đạt danh hiệu "Doanh nghiệp xuất sắc" tỉnh Đồng Nai lần thứ VI – 2016.

2017

Quyết định	Hình thức	Cấp khen	Nội dung
Số 2470/QĐUBND ngày 18/7/2017	Bằng Khen	UBND tỉnh Đồng Nai	Công ty cổ phần Cấp nước Đồng Nai có đóng góp trong phong trào ủng hộ Quỹ đền ơn đáp nghĩa, giai đoạn 2012 - 2017.

2018

Quyết định	Hình thức	Cấp khen	Nội dung
	Bảng ghi nhận và cảm ơn	Công an TP.Biên Hòa	Công ty cổ phần Cấp nước Đồng Nai đã đóng góp trong công tác dân vận và phong trào toàn dân bảo vệ Tổ quốc năm 2018.
Số 2500/QĐ-UBND ngày 23/7/2018	Bảng khen	UBND tỉnh Đồng Nai	Công ty CP Cấp nước Đồng Nai đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua “Vì nạn nhân chất độc da cam giai đoạn 2013-2018”.
	Bảng vàng tri ân	Hội hỗ trợ Gia đình Liệt sỹ Đồng Nai	Công ty CP Cấp nước Đồng Nai đã có thành tích ủng hộ Quỹ Tri ân Liệt sỹ trong 5 năm (2013-2018).
Số 4225/QĐ-UBND ngày 27/11/2018	Bảng khen	UBND tỉnh Đồng Nai	Công ty CP Cấp nước Đồng Nai đã có thành tích tiêu biểu tham gia cuộc vận động “Ngày vì người nghèo” và phong trào xây dựng “Nhà Đại đoàn kết” xóa nhà dột nát cho người nghèo trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2000-2018.
	Bảng tri ân	UBMTTQ Việt Nam tỉnh Đồng Nai	Tri ân Công ty CP Cấp nước Đồng Nai tham gia cuộc vận động “Ngày vì người nghèo” và phong trào xây dựng “Nhà Đại đoàn kết” xóa nhà dột nát cho người nghèo trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2000-2018.



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước: Khai thác, xử lý nước phục vụ sinh hoạt đô thị và công nghiệp, phân phối nước sạch.

- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại: Sản xuất các sản phẩm cơ khí chuyên ngành nước.

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: Kinh doanh khách sạn.

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Kinh doanh vật tư thiết bị phụ kiện chuyên ngành nước.

- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng: Sản xuất nước tinh khiết đóng chai.

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng công trình công nghiệp.

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị và khu công nghiệp; Xây dựng nhà ở và cho thuê nhà; Cho thuê văn phòng; Kinh doanh bất động sản.

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan:

- Tư vấn thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp.
- Thiết kế công trình cấp nước; Thiết kế hệ thống cấp nước cho công trình; Dịch vụ hỗ trợ xây dựng; Dịch vụ tư vấn thiết kế khác.
- Thiết kế công trình thoát nước. Khảo sát, giám sát thi công, thẩm tra các công trình cấp thoát nước.
- Lập dự án đầu tư, thẩm định dự án đầu tư. Giám sát thi công công trình dân dụng-công nghiệp. Lập hồ sơ mời thầu. Đánh giá hồ sơ dự thầu. Thẩm định thiết kế kỹ thuật. Quyết toán các dự án đầu tư.
- Tư vấn quản lý dự án đầu tư. Thẩm định hồ sơ mời thầu và dự toán-tổng dự toán.
- Thẩm định kết quả đấu thầu.

- Xây dựng nhà các loại: Xây dựng công trình dân dụng.

- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật: Kiểm định đồng hồ đo nước từ 15 mm đến 100 mm (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).

- Điều hành tour du lịch (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định pháp luật).

- Lắp đặt hệ thống cấp nước, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí: Lắp đặt hệ thống cấp nước, thoát nước.

- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).

- Xây dựng công trình công ích: Xây dựng các công trình cấp thoát nước.

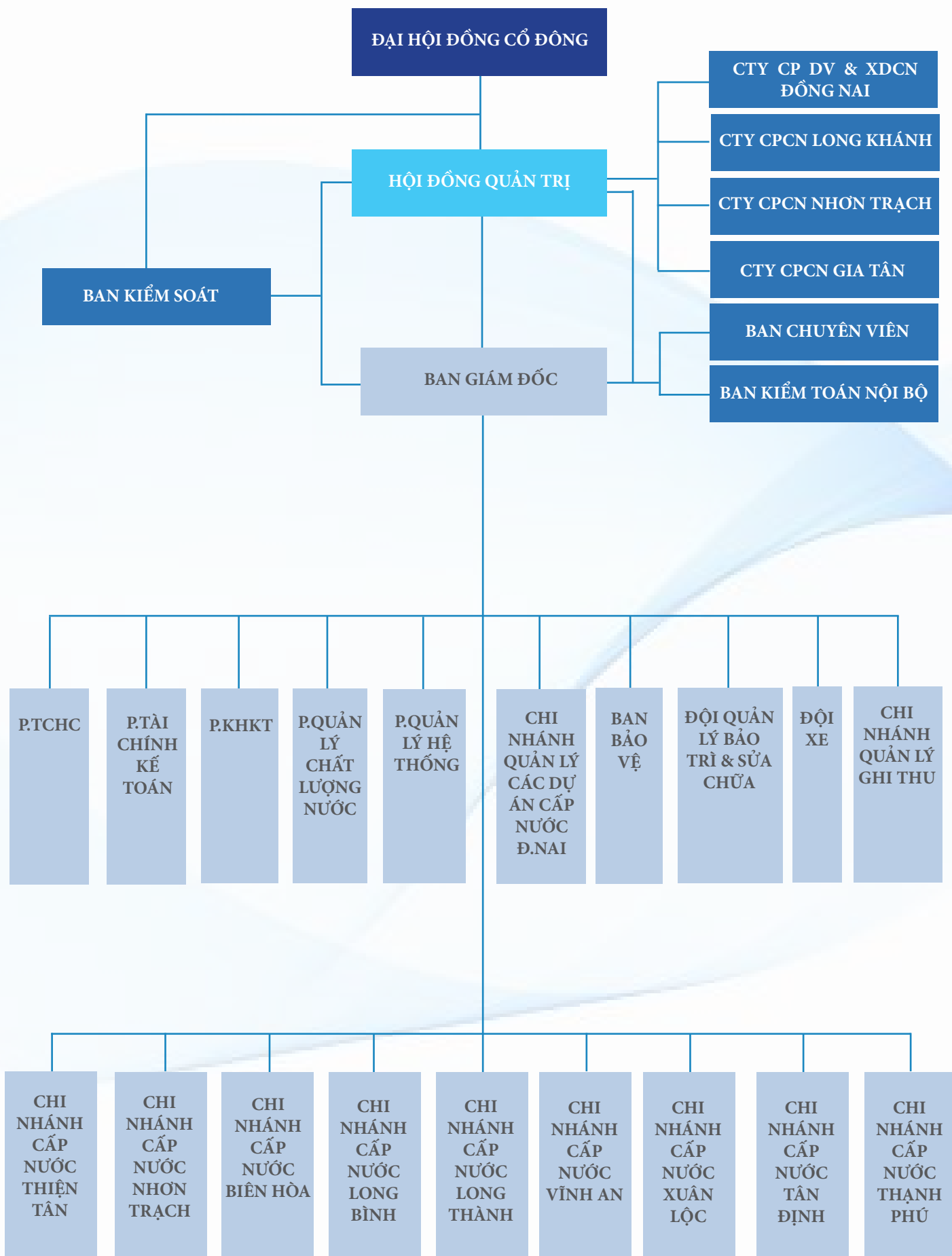
ĐỊA BÀN KINH DOANH

Hiện nay, các nhà máy sản xuất nước mặt đang khai thác và cung cấp nước cho các khu vực như sau:

- Khu vực thành phố Biên Hòa (26 phường xã và 4 xã: An Hòa, Phước Tân, Long Hưng, Tam Phước).
- Khu vực Long Thành: Thị trấn Long Thành (Văn Hải, Phước Hải, Phước Thuận, Phước Long, Cầu Xéo), xã Long Đức, An Phước, Tam Phước, Lộc An, Long An, Tam An, Bình Sơn.
- Khu vực huyện Xuân Lộc: Thị trấn Gia Ray, xã Xuân Tâm, Xuân Hưng, Xuân Hòa, Xuân Hiệp, Suối Cát, Xuân Trường.
- Khu vực huyện Định Quán: Thị trấn Định Quán, xã Phú Vinh, Phú Lợi, Gia Canh, Phú Ngọc.
- Khu vực huyện Vĩnh Cửu: Thị trấn Vĩnh An, xã Vĩnh Tân, xã Thạnh Phú, xã Thiện Tân, xã Tân An.
- Khu vực huyện Trảng Bom: Thị trấn Trảng Bom, xã Hồ Nai 3, Xã Bắc Sơn, Bình Minh, Quảng Tiến.
- Khu vực huyện Nhơn Trạch: Khu trung tâm huyện Nhơn Trạch, các KCN Nhơn Trạch, khu dân cư xã Hiệp Phước, Long Thọ, Phước An, Phước Thiên, Phú Hội (qua đồng hồ tổng của Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai khai thác nước mặt).



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



Công ty con, Công ty liên kết:

STT	Thông tin	Tỷ lệ
Công ty con		
1	<p>CÔNG TY CP CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH Địa chỉ: Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường Trần Phú, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Ngành nghề kinh doanh chính: Khai thác, xử lý và cung cấp nước phục vụ sinh hoạt, công nghiệp; phân phối nước sạch. Vốn điều lệ: 100.000.000.000 đồng Vốn DNW nắm giữ (tính đến 31/12/2018): 52.437.360.000 đồng</p>	52,44%
2	<p>CÔNG TY CP CẤP NƯỚC LONG KHÁNH Địa chỉ: Số 02 bis Cách Mạng Tháng Tám, phường Xuân Bình, thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai. Ngành nghề kinh doanh chính: Khai thác, lọc nước và phân phối nước sạch phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt tại các khu dân cư, cung cấp nguồn nước phục vụ cho hoạt động công nghiệp. Vốn điều lệ: 25.000.000.000 đồng Vốn DNW nắm giữ (tính đến 31/12/2018): 12.750.000.000 đồng</p>	51,00%
Công ty liên doanh, liên kết		
1	<p>CÔNG TY CP DV VÀ XD CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI Địa chỉ: Số 52 đường Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Ngành nghề kinh doanh chính: Khai thác, xử lý và phân phối nước sạch; lắp đặt đường ống cấp nước, thoát nước, bơm nước. Vốn điều lệ: 23.450.000.000 đồng Vốn DNW nắm giữ (tính đến 31/12/2018): 8.442.000.000 đồng</p>	36,00%
2	<p>CÔNG TY CP CẤP NƯỚC GIA TÂN Địa chỉ: Số 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Ngành nghề kinh doanh chính: Khai thác, xử lý nước phục vụ sinh hoạt đô thị và công nghiệp; phân phối nước sạch. Vốn điều lệ: 60.000.000.000 đồng Vốn DNW nắm giữ (tính đến 31/12/2018): 15.000.000.000 đồng</p>	25,00%



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



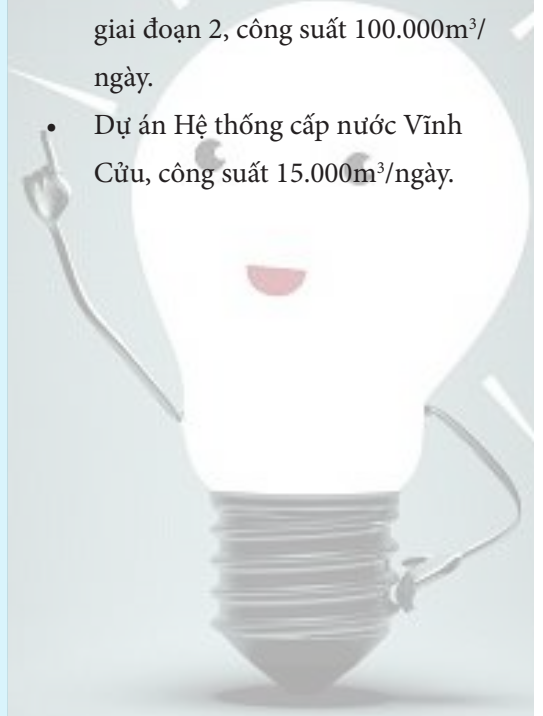
Các mục tiêu, chiến lược chủ yếu của Công ty

Đồng Nai nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam có tốc độ phát triển kinh tế nhanh. Các trung tâm, thị trấn thị tứ, các đô thị và khu công nghiệp trong tỉnh ngày càng phát triển sẽ thúc đẩy ngành cấp nước phát triển theo để đáp ứng nhu cầu cấp nước cho sự phát triển đó. Căn cứ Quy hoạch cấp nước vùng tỉnh Đồng Nai đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2050 được UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt tại Quyết định số 204/QĐ-UBND ngày 21/01/2014. Do đó mục tiêu chủ yếu của Công ty là đầu tư các dự án cấp nước và phát triển khách hàng, Công ty sẽ tập trung phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh với các mục tiêu cụ thể:

- Đầu tư phát triển nguồn nước theo quy hoạch được duyệt từ các nguồn vốn vay ODA, vốn tự có, vốn vay thương mại, vốn vay ưu đãi, vốn huy động của khách hàng và vốn của các chủ đầu tư khác.
- Triển khai các dự án đầu tư hệ thống cấp nước để cung cấp cho các khu vực thị xã, thị trấn, khu vực dân cư tập trung để mở rộng phạm vi cung cấp nước và tăng đối tượng sử dụng nước sạch.
- Đầu tư nâng công suất các nhà máy nước bằng các hình thức mở rộng, cải tạo, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật mới.

Các dự án phát triển nguồn:

- Hệ thống cấp nước Thiện Tân giai đoạn 2, công suất 100.000 m³/ngày.
- Hệ thống cấp nước Nhơn Trạch giai đoạn 2, công suất 100.000m³/ngày.
- Dự án Hệ thống cấp nước Vĩnh Cửu, công suất 15.000m³/ngày.



Các dự án phát triển mạng lưới cấp nước:

- Hệ thống cấp nước xã Long Hưng (giai đoạn 2).
- Hệ thống cấp nước xã Long Hưng (giai đoạn 1).
- Hệ thống cấp nước thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu (tuyến ống).
- Hệ thống cấp nước xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu.
- Hệ thống cấp nước xã Vĩnh Tân - Trị An, huyện Vĩnh Cửu.
- Hệ thống cấp nước thị trấn Trảng Bom, Huyện Trảng Bom (giai đoạn 2)
- Nâng công suất nhà máy nước Gia Ray từ 7.000 m³/ngày lên 15.000m³/ngày.
- Hệ thống cấp nước xã Long An, huyện Long Thành.
- Hệ thống cấp nước Bình Sơn, huyện Long Thành.



- Đầu tư mở rộng, cải tạo hệ thống cấp nước, giảm tỷ lệ thất thoát nước xuống 10% vào năm 2020, nâng tỷ lệ dân cư đô thị được cấp nước sạch, hợp vệ sinh đạt 99% vào năm 2020.
- Thực hiện nâng cao trình độ quản lý hệ thống cấp nước, áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà máy nước, hệ thống phân phối, hệ thống quản lý khách hàng, áp dụng hình thức quản lý hệ thống chạy trên nền công nghệ Hệ thống thông tin địa lý (GIS).



- Quản lý tốt chất lượng vật tư, thiết bị, nguyên liệu, tài chính, nhân lực, áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý để tăng cường chất lượng dịch vụ đối với khách hàng, đơn giản hóa thủ tục hành chính.
- Tăng cường chức năng bảo trì, sửa chữa thiết bị trên mạng lưới khi áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý.

- Hỗ trợ các Công ty cổ phần có vốn góp của Công ty về mặt kỹ thuật, nguồn vốn, nhân lực để các Công ty cổ phần đảm đương tốt nhiệm vụ phát triển và cung cấp nước đảm bảo nhu cầu sử dụng nước của dân cư và khu công nghiệp trên địa bàn Tỉnh.
- Đẩy mạnh công tác cộng đồng, truyền thông từ thiện xã hội theo hướng trực tiếp thiết thực từng bước xây dựng thương hiệu Cấp nước Đồng Nai gắn liền với cộng đồng.

Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty



Mục tiêu đối với môi trường

- Là một doanh nghiệp sử dụng tài nguyên nước khá lớn trên địa bàn, Công ty xác định việc chấp hành pháp luật về tài nguyên nước là trách nhiệm và quyền lợi của doanh nghiệp, ngoài việc phối hợp với các ngành chức năng để bảo vệ khai thác nguồn nước hiệu quả, tiết kiệm hạn chế ô nhiễm nguồn nước. Công ty thường xuyên kiểm tra chất lượng nguồn nước thô, quan tâm công tác xả thải nhằm hạn chế thấp nhất ô nhiễm môi trường.
- Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là cung cấp nước sạch, một sản phẩm thiết yếu cho nhu cầu sinh hoạt hằng ngày của người dân, do đó ngoài hoạt động kinh doanh, Công ty còn phải đảm bảo vai trò phục vụ an sinh xã hội, Công ty sẽ nỗ lực để nhân dân trong khu vực được sử dụng nước sạch, góp phần cùng cơ quan ban ngành chức năng cải thiện môi trường sống và chăm lo sức khỏe cho nhân dân.
- Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường hàng năm, công nghệ sản xuất nước sạch của Công ty phù hợp với tiêu chuẩn môi trường theo quy định. Ngoài ra các đoàn kiểm tra giám sát về môi trường của tỉnh và cơ quan thẩm quyền thường xuyên đến Công ty kiểm tra đã đánh giá Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh đảm bảo vệ sinh và môi trường.



Mục tiêu đối với xã hội và cộng đồng

Công ty đóng góp xây dựng Nhà tình thương “Vạn tấm lòng vàng”, ủng hộ đồng bào bị thiên tai bão lụt, đóng góp quỹ “Vì người nghèo, nạn nhân chất độc màu da cam”, giúp đỡ tài trợ những gia đình khó khăn, gia đình liệt sĩ, bà mẹ Việt Nam anh hùng...





Rủi ro kinh tế

Nền kinh tế nào cũng luôn chứa đựng những rủi ro được hình thành từ sự biến động của các nhân tố cơ bản như: Tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất, chỉ số tiêu dùng,... Các doanh nghiệp, với vai trò là một trong các chủ thể của nền kinh tế cũng không nằm ngoài sự tác động của các nhân tố trên.



Năm 2018, kinh tế thế giới tiếp tục trên đà phát triển trở lại. Hoạt động đầu tư, thương mại toàn cầu có xu hướng cải thiện rõ rệt cũng như niềm tin của người tiêu dùng tăng lên là các yếu tố tác động tích cực đến sản xuất kinh doanh. Hòa chung không khí đó, nền kinh tế Việt Nam năm qua cũng là một trong những điểm sáng đáng chú ý trong khu vực và thế giới khi tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2018 tăng 7,08% so với cùng kỳ năm trước, đạt hơn 3.493 nghìn tỷ đồng. Đây là mức tăng trưởng cao nhất kể từ năm 2008 trở lại đây. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, năm 2018, ngành cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải tăng 6,3%, đóng góp 0,1 điểm phần trăm vào chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP), đã tạo tiền đề cho sự phát triển của các Doanh nghiệp Cấp nước.



Tốc độ tăng chỉ số tiêu dùng CPI khoảng 3,54%, dưới mục tiêu 4% Quốc hội đã đề ra. Chỉ số lạm phát cơ bản tăng 1,48% so với cùng kỳ năm 2017. Tăng trưởng tín dụng năm 2018 đạt 13,30%, tăng 16,96% so với cùng kỳ năm trước. Huy động vốn duy trì đà tăng trưởng so với cùng kỳ giúp các tổ chức tín dụng tiếp tục ổn định thanh khoản, đáp ứng nhu cầu vốn tín dụng cho nền kinh tế và đảm bảo tỷ lệ tín dụng ở mức an toàn. Đó là một dấu hiệu tích cực cho các doanh nghiệp đang vay vốn như DNW.

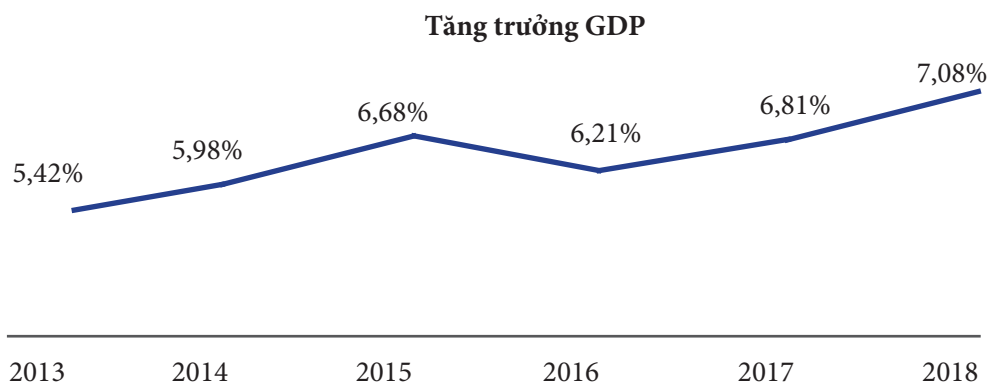
Ngoài ra, năm 2018, vốn đầu tư phát triển toàn xã hội đạt khá. Trong đó, khu vực kinh tế tư nhân tiếp tục có sự phát triển mạnh mẽ nhờ chính sách ưu đãi, hỗ trợ tạo điều kiện cho doanh nghiệp đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh, đưa tốc độ vốn đầu tư cả năm của khu vực này tăng dần qua các năm. Theo số liệu Tổng cục Thống kê cho biết, tính chung cả năm 2018, vốn đầu tư toàn xã hội thực hiện theo giá hiện hành ước tính đạt 1.856,6 nghìn tỷ đồng, tăng 11,2% so với năm trước và bằng 33,5% GDP, bao gồm: Vốn khu vực Nhà nước đạt 619,1 nghìn tỷ đồng, chiếm 33,3% tổng vốn và tăng 3,9% so với năm trước; khu vực ngoài Nhà nước đạt 803,3 nghìn tỷ đồng, chiếm 43,3% và tăng 18,5%; khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt

434,2 nghìn tỷ đồng, chiếm 23,4% và tăng 9,6%. Trong đó vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước cho Đồng Nai đạt 7.206 tỷ đồng, bằng 99,4% kế hoạch và tăng 27,7% so với năm 2017. Bên cạnh đó, tỉnh Đồng Nai có số vốn đăng ký các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài trong năm qua đạt 989 triệu USD, chiếm 5,5%, vượt qua các thành phố lớn như Hồ Chí Minh, Hải Phòng,... Đặc biệt, theo Quyết định 1232/QĐ-TTg được ban hành vào ngày 17/8/2017 đã công bố danh mục thoái vốn nhà nước đến năm 2020 mở ra một cơ hội lớn cho việc kiểm soát và thống trị ngành nước toàn quốc. Theo quyết định này, trong 3 năm, từ 2017-2019, Nhà nước sẽ tiến hành thoái vốn dần dần trên 57 công ty thuộc ngành cấp thoát nước, trải dài từ Hậu Giang đến Lạng Sơn. Những con số trên đã cho thấy một cục diện tốt cho DNW phát triển tốt, khi Đồng Nai đang dần trở thành một trung tâm công nghiệp ở khu vực, giao thông thuận lợi (gần cảng quốc tế, sân bay...) giúp thu hút nhiều nguồn vốn đầu tư từ trong và ngoài nước. Hiện nay, DNW với cơ cấu vay vốn lớn từ nguồn vốn ODA, đây có thể nói là một điều kiện thuận lợi giúp Công ty hoạt động phát triển, đầu tư công nghệ vào sản xuất để có thể đẩy mạnh vị thế của mình trong hoạt động sản xuất kinh doanh trong địa phương và cả nước.



Nhìn chung, nền kinh tế trong nước tăng trưởng tuy không nhiều nhưng vẫn ổn định và đạt được các mục tiêu đã đề ra. Đó là một trong những yếu tố quan trọng để các doanh nghiệp nói chung và DNW nói riêng phát triển vững mạnh. Tình hình kinh tế năm 2019 được dự báo có nhiều thuận lợi khi tiếp nối thành công của năm cũ và nhờ sự thay đổi mạnh mẽ, hợp lý của hành lang pháp lý, cải cách kinh tế cùng với sự tăng trưởng của ngành dịch vụ sẽ tạo một bước đệm vững chắc cho nền kinh tế trong nước cho những năm tiếp theo.

Công ty luôn theo sát những chuyển biến của nền kinh tế Thế giới và Việt Nam để có thể kịp thời ứng phó với rủi ro tốt nhất. Hoạt động chính hiện nay của DNW là khai thác, xử lý và cung cấp nước. Vì thế khi nền kinh tế tăng trưởng, đời sống xã hội nâng cao và ổn định, kéo theo nhu cầu dịch vụ gia tăng, từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty phát triển.



— Tăng trưởng GDP

Rủi ro lãi suất

Nhằm nâng cao doanh thu và lợi nhuận của Công ty, DNW tận dụng khéo léo từ đòn bẩy tài chính bằng phương thức vay nợ từ các ngân hàng địa phương cũng như ngân hàng thương mại trong nước, đặc biệt là nguồn vốn ODA với lãi suất. Tuy nhiên điều này cũng đặt ra thách thức cho Công ty nếu lãi suất tăng sẽ làm tăng chi phí lãi vay, từ đó ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả kinh doanh của Công ty. Tính đến hết năm tài chính (31/12/2018), các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty Cấp nước Đồng Nai khoảng 2.227 tỷ đồng, tương ứng 92,19% nợ phải trả. Các khoản vay trên chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu tổng nợ phải trả của Công ty. Do vậy, sự biến động của lãi suất sẽ có ảnh hưởng lớn đến chi phí tài chính cũng như hoạt động kinh doanh của Công ty. Trong năm qua, lãi suất trung bình Việt Nam giảm còn từ 6% - 7,5%/năm. Sau khi, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết 01/NQ-CP về nhiệm vụ, giải pháp thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2018. Trong đó, Chính phủ chỉ đạo trong năm 2018, tiếp tục giảm lãi suất cho vay để phù hợp với điều kiện kinh tế, tập trung tín dụng cho các lĩnh vực ưu tiên, khu vực sản

xuất kinh doanh. Tuy nhiên, lãi suất vay ngân hàng năm 2018 có xu hướng giảm không chỉ bởi có chủ trương, chỉ đạo của Chính phủ hay Ngân hàng Nhà nước mà còn bởi sự tác động tích cực của Nghị quyết 42/2017/QH14 về thí điểm xử lý nợ xấu. Tại Hội nghị Triển khai nhiệm vụ ngân hàng năm 2019, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Lê Minh Hưng cũng đã cho biết: “Mặt bằng lãi suất được duy trì ổn định trong bối cảnh lãi suất thị trường quốc tế gia tăng”. Bên cạnh lãi suất trong nước, thì lãi suất đồng tiền nước ngoài cũng ảnh hưởng nhiều đến DNW, đặc biệt là đồng JPY và KRW – hai đồng tiền mà Công ty vay vốn ODA nhiều nhất. Năm qua, lãi suất hai đồng tiền trên dao động từ 1,3% - 3,53%, tỷ lệ lãi suất vẫn được duy trì ổn định so với năm 2017. Với việc mức lãi suất được kiểm soát khá tốt từ Nhà nước và Ngân hàng hợp tác với Công ty nên sẽ không ảnh hưởng quá nhiều đến các hoạt động tài chính, cũng như trả nợ và trả lãi của Công ty nhiều. Công ty vẫn luôn theo dõi thường xuyên để có thể đề ra các biện pháp để ứng phó kịp thời khi lãi suất có biến chuyển lớn so với ban đầu.





Rủi ro tỷ giá

Hiện nay, DNW đang có nhiều dự án hệ thống cấp nước có giá trị lớn cần phải được đầu tư bằng nguồn vốn vay ODA với thời gian vay dài, lãi suất thấp. Do đó, khi thị trường thế giới có biến động ảnh hưởng đến tỷ giá các ngoại tệ đối với Việt Nam đồng thì sẽ ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động quản trị của Công ty. Năm 2018, diễn ra chiến tranh thương mại giữa Mỹ - Trung đã ảnh hưởng rất nhiều đến tỷ giá VND/USD. Khi tính chung cả năm 2018, VND đã mất giá khoảng 2,2-2,3% so với USD (do Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) quyết định tăng lãi suất lần thứ tư trong năm), thấp hơn khá nhiều so với mức mất giá của EUR, GBP và CNY lần lượt là 4,5%, 5,7% và 5,4%. Cũng như lãi suất, Công ty đang đặc biệt quan tâm đến tỷ giá đồng JPY và KRW đối với VND. Năm 2018, tỷ giá JPY/VND giảm về 207,08 đồng/yên, nhưng vẫn cao hơn mức 202,61 đồng yên cùng kỳ năm 2017; tỷ giá đồng KRW/VND ở mức 20,86 đồng/won, mức dao động tỷ giá của hai đồng này đối với VNĐ vẫn được duy trì ổn định, không quá bất ổn so với năm 2017. Năm bắt được tình hình trên DNW luôn quan tâm đến biến động tỷ giá để có các chính sách phù hợp nhằm tối thiểu chi phí, nâng cao lợi nhuận hoạt động kinh doanh.

Rủi ro pháp luật

Rủi ro về pháp luật là rủi ro mang tính hệ thống, có ảnh hưởng đến nhiều mặt của xã hội nói chung và ngành cấp nước nói riêng. Mọi thay đổi trong chính sách của chính phủ đều có những ảnh hưởng nhất định đến hoạt động của Công ty.

Hoạt động chung của DNW chịu sự chi phối từ hệ thống Luật và văn bản dưới Luật liên quan như: Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Lao động, Luật Quy hoạch đô thị, Luật Xây dựng... Ngoài ra, DNW còn chịu sự chi phối trực tiếp bởi các Nghị định về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch của Chính phủ như Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 17/08/2007 và Nghị định 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011. Theo thông tin, dự thảo Luật Chứng khoán đã được trình lấy ý kiến và dự kiến sẽ có hiệu lực vào cuối năm 2019, do đó các Bộ luật liên quan khác cũng sẽ được điều chỉnh tương ứng. Vì

vậy, Công ty luôn cố gắng cập nhật những điều chỉnh về mặt pháp luật và chính sách của Nhà nước, tạo điều kiện thuận lợi để cán bộ, công nhân viên có thể nắm bắt các quy định mới nhằm đảm bảo thực hiện đúng quy định của pháp luật trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ngoài các chính sách kinh tế, chính trị, xã hội nói chung ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thì DNW còn chịu sự quản lý, chi phối của các hiệp hội,... Vì vậy, mỗi sự thay đổi của chính sách, pháp luật của Nhà nước, sẽ tiềm ẩn nhiều rủi ro tới quá trình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty. Với mỗi văn bản liên quan đến lĩnh vực kinh doanh được sửa đổi, Công ty đều cập nhật kịp thời và nghiên cứu kỹ lưỡng để đưa ra các phương án điều chỉnh sao cho phù hợp nhất. DNW luôn cam kết luôn tuân thủ các quy định pháp luật trong mọi hoạt động của mình.



Rủi ro đặc thù ngành



Rủi ro từ nguồn nước tự nhiên khai thác:

Nguồn nước thô nguyên liệu đầu vào để sản xuất nước sạch của Công ty được khai thác từ sông Đồng Nai, hồ Trị An, Gia Uy,... Nguồn nước đã và đang bị suy thoái cả về chất lượng và trữ lượng. Nguồn nước mặt bị ô nhiễm do chất thải, nước thải sinh hoạt và sản xuất; ngoài ra còn chịu tác động biến đổi khí hậu, xâm nhập mặn đặc biệt trong mùa khô, nước mặn xâm nhập sâu vào đất liền hàng chục km, khu vực chịu ảnh hưởng mạnh là vùng đồng bằng sông Cửu Long và vùng duyên hải miền Trung ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình cung cấp nước của Công ty.

Bên cạnh đó, hoạt động sản xuất nông, công nghiệp trên địa bàn tỉnh phát triển nhanh chóng cũng kéo theo nguy cơ ô nhiễm nguồn nước. Các nhà máy sản xuất chưa có hệ thống xử lý nước thải phù hợp, hoạt động sản xuất nông nghiệp sử dụng nhiều chất hóa học như phân bón, thuốc trừ sâu và đặc biệt là ý thức của người dân về việc xả rác bừa bãi dọc theo các sông cũng gây nguy cơ ô nhiễm nguồn nước ngầm.

Vì vậy, Công ty luôn ý thức trách nhiệm được trách nhiệm đối với môi trường nước thông qua các công tác kiểm tra chất lượng nước, bảo quản hóa chất xử lý nước đồng thời không ngừng cải tiến sản xuất để giảm thiểu những rủi ro gây ra ô nhiễm.

Công ty luôn có sự kiểm soát, đánh giá tác động của hoạt động sản xuất đến môi trường. Hệ thống công nghệ áp dụng được bảo trì định kỳ, đảm bảo duy trì trạng thái hoạt động của máy móc ở mức tốt nhất để tạo ra dòng nước sạch phân phối đến khách hàng.

Rủi ro thất thoát, thất thu nước sạch:

Rủi ro thất thoát nước luôn là mối quan tâm hàng đầu đối với các doanh nghiệp ngành cấp nước nói chung và Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai nói riêng. Tỷ lệ thất thoát nước của Công ty đến cuối tháng 12/2018 là 20,7%. Nước thất thoát được chia làm hai loại cơ bản là thất thoát vô hình (rò rỉ trong mạng đường ống nước theo mỗi nối) và thất thoát hữu hình (do bể vỡ đường ống nước; dùng cho công tác súc xả đường ống, thổi rửa giếng; có thể khắc phục được) hay khi đường ống của Công ty bị đấu ống trái phép để trộm nước. Việc khắc phục các sự cố rò rỉ nước tốn nhiều thời gian và chi phí của Công ty. Nếu để tình trạng này diễn ra trong thời gian dài sẽ gây ra các sự cố lớn hơn và lượng nước rò rỉ do đó cũng tăng lên. Để hạn chế rủi ro này, Công ty tiến hành kiểm tra hệ thống cung cấp nước, định kỳ xây dựng kế hoạch cụ thể cho việc tu sửa, nâng cấp đường ống, tăng cường kiểm tra các hộ gia đình và cơ sở sản xuất khi có dấu hiệu bất thường.

Bên cạnh việc thất thoát nước thì thất thu nước cũng là một rủi ro đáng lưu ý đối với DNW khi gặp phải các trường hợp như khách hàng không hay chậm thanh toán tiền sử dụng nước sạch; mở van đồng hồ đo lưu lượng nước nhỏ; gian lận sử dụng nước sạch không qua đồng hồ; sử dụng sai mục đích... Tất cả đều là những trở ngại cho Công ty trong việc đảm bảo doanh thu cũng như lợi nhuận của Công ty. Vì thế, DNW luôn chú trọng trong việc tìm kiếm giải pháp nhằm để phòng và hạn chế hậu quả từ hiện tượng này.

Rủi ro giá đầu ra:

Là doanh nghiệp hoạt động trong ngành cấp nước, Công ty phải chịu sự kiểm soát giá nước bán ra cho dân cư và khách hàng. Giá nước hiện nay vẫn chưa phù hợp với tinh thần Chỉ thị số 40/1998/CT-TTg về việc tăng cường công tác quản lý và phát triển cấp nước đô thị, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu “phải xây dựng giá nước theo nguyên tắc tính đúng, tính đủ, phù hợp với khả năng chi trả của khách hàng và trả nợ vốn vay”. Với phương án giá đã được phê duyệt và đang nằm ở mức thấp, nếu không kiểm soát được chi phí phát sinh, DNW phải đối mặt với nguy cơ sụt giảm lợi nhuận, thậm chí có thể thua lỗ. Tuy nhiên, trong năm 2018 theo công bố của Tổng cục Thống kê chỉ số giá sản xuất trong ngành cung cấp nước, hoạt

động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 2,1%. Như vậy, giá bán trong năm đã có mức tăng tương đối đã tạo cho Công ty một thuận lợi khi có thể nâng cao doanh thu, giúp Công ty hoạt động có hiệu quả hơn.

Nhưng với việc chi phí đầu vào biến động liên tục trong khi giá bán vẫn duy trì ổn định hay tăng ở mức thấp đặt ra cho Công ty một bài toán khó để duy trì được nguồn lợi nhuận một cách tốt nhất. DNW vẫn luôn chủ động theo dõi, kiểm soát chi phí đầu vào để đem lại những gam màu tốt nhất cho cổ đông và các nhà đầu tư. Tuy gặp nhiều trở ngại, nhưng Công ty vẫn có nhiều lợi thế khi có nhiều hợp đồng dài hạn nên đầu ra và doanh thu của DNW vẫn được duy trì ổn định.





Rủi ro vốn quy mô

Theo dự báo đến năm 2020 dân số đô thị nước ta đạt 44 triệu người, nhu cầu cấp nước sinh hoạt đô thị cũng tăng lên 9,4 - 9,6 triệu m³/ngày. Theo đó, nhu cầu vốn để xây các nhà máy nước mới, cải thiện hệ thống nước hiện hữu và các nhu cầu khác vào khoảng 3,3 tỷ USD; nguồn vốn để đầu tư thêm các nhà máy xử lý nước thải sinh hoạt đô thị trong 5 năm tới cần đến 6,9 tỷ USD. Vậy với nhu cầu ngày càng tăng như hiện nay đặt ra cơ hội cũng như thách thức cho các công ty trong ngành cấp nước nói chung và DNW nói riêng. Đối với Công ty có điều kiện thuận lợi khi tỉnh Đồng Nai đang trên đà phát triển công nghiệp, thu hút nhiều vốn từ trong và ngoài nước, giúp Công ty có thể vay vốn từ nguồn vốn với lãi suất thấp. Nhưng rủi ro đặt ra cho DNW là khi thị trường tăng đồng nghĩa với cạnh tranh cũng sẽ gia tăng, đòi hỏi Công ty cần mở rộng quy mô cũng

như địa bàn hoạt động nhằm tăng niềm tin cho nhà đầu tư để có thể thu hút nhiều dự án kinh doanh. Bởi, nhà đầu tư gặp rủi ro khi bỏ vốn để phát triển mạng lưới ống nước nhưng không có người sử dụng, còn ở nơi có người dùng rồi mới đưa hệ thống tới thì rủi ro là người sử dụng không từ bỏ hệ thống hiện tại để chuyển sang hệ thống mới. Đó là những rào cản lớn khi Công ty muốn phát triển và mở rộng hoạt động của mình, Ban Giám đốc cũng như Hội đồng quản trị đang có những bước chuẩn bị kỹ lưỡng và chắc chắn để đảm bảo cho những bước đi sắp tới sẽ đạt hiệu quả cao nhất, tối thiểu hóa rủi ro cho các nhà đầu tư cũng như cổ đông của Công ty. Toàn bộ cán bộ công nhân viên đang nỗ lực hết sức để đem lại nguồn nước sạch cho người dân cũng như đảm bảo lợi ích cho những đơn vị, cá nhân luôn đồng hành và tin tưởng DNW.



Rủi ro khác

Các rủi ro khác như thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh,... là những rủi ro bất khả kháng, mặc dù rất hiếm khi xảy ra, nhưng nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Đây là rủi ro không thể loại trừ nhưng có thể giảm thiểu. Vì vậy công ty thường xuyên theo dõi và nắm bắt các thông tin nhằm kịp thời đưa ra các biện pháp phòng tránh và xử lý, đồng thời luôn nghiêm túc tuân thủ các quy định, thường xuyên huấn luyện về PCCN, ATLD, đảm bảo thực hiện tốt công tác PCCC...





02



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
- Tình hình tài chính
- Tình hình cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- Trách nhiệm với môi trường và cộng đồng



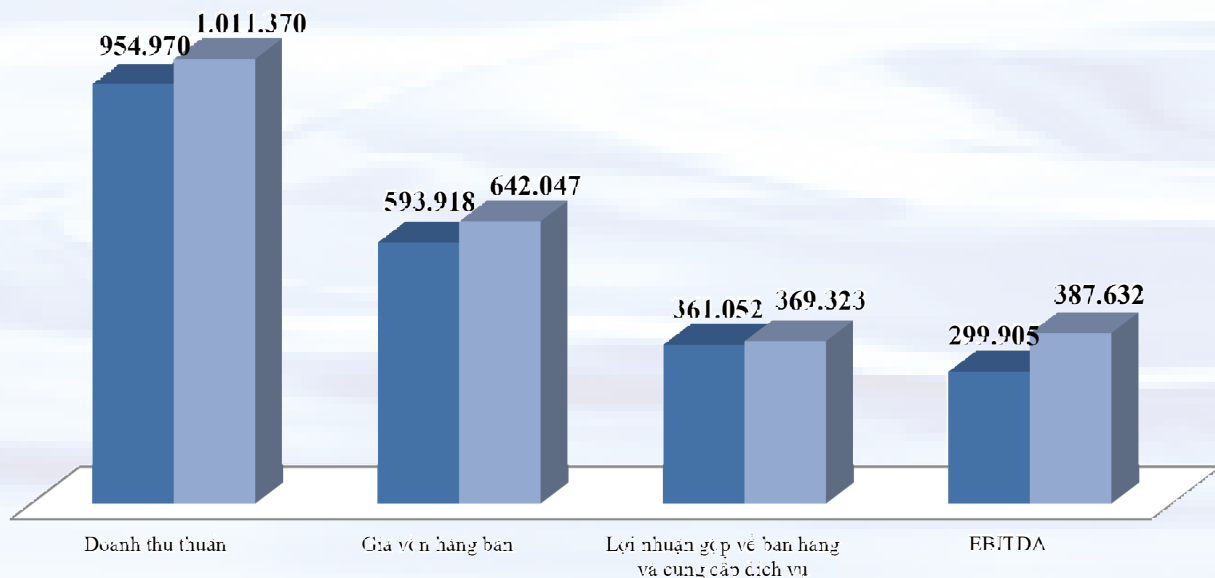
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Tình hình thực hiện so với kế hoạch

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	% Thực hiện 2018/ Kế hoạch 2018	% Thực hiện 2018/ Thực hiện 2017
1	Tổng tài sản	3.695.635	-	3.778.159	-	102,23%
2	Tổng Doanh thu	967.070	880.000	1.023.919	116,64%	105,88%
3	Doanh thu thuần BH & CCDV	954.970	-	1.011.370	-	105,91%
4	Lợi nhuận từ HĐKD	54.591	-	146.190	-	267,79%
5	Lợi nhuận khác	(231)	-	4.344	-	-
6	Lợi nhuận trước thuế	54.361	-	150.535	-	276,92%
7	Lợi nhuận sau thuế	43.760	-	127.088	-	290,42%
8	Lãi/lỗ CLTG	(101.686)	-	(17.851)	-	18,52%
9	Lợi nhuận trước thuế (loại ảnh hưởng của CLTG)	156.047	150.000	168.386	100,03%	-
10	EBITDA	299.905	-	387.632	-	129,25%
11	Tỷ lệ cổ tức	4,0%	8,0%	8,0%	-	-

■ Năm 2017 ■ Năm 2018



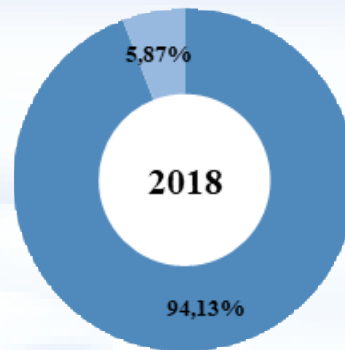
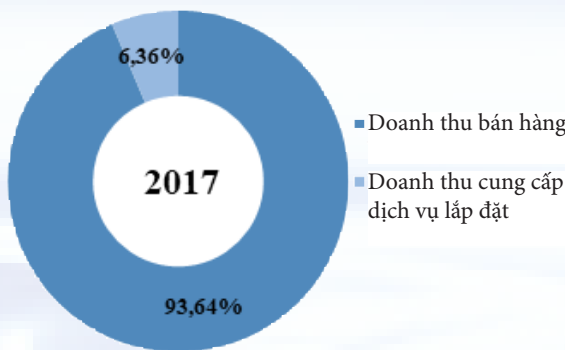
Trong bối cảnh tình hình kinh tế Việt Nam năm 2018 đã có những bước tăng trưởng vượt bậc, Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai đã hoàn thành kế hoạch được triển khai và đó là nguồn động lực để Công ty tiếp tục đề ra những phương án phát triển mới góp phần củng cố vị thế và vươn lên trong tương lai. Dưới sự quan tâm chỉ đạo sát sao và kịp thời của Hội đồng quản trị, sự nỗ lực của Ban Giám đốc cùng toàn thể CBCNV, tổng doanh thu năm 2018 đạt 1.023.919 tỷ đồng, vượt kế hoạch 7,19%, do số lượng khách hàng gia tăng trong năm đột biến. Hầu hết các chỉ tiêu đều đạt được yêu cầu kế hoạch đề ra và còn có bước tăng trưởng ngoài mong đợi, lợi nhuận tăng trưởng

290,42% từ 43 tỷ đồng lên gần 127 tỷ đồng, nguyên nhân do chi phí giảm phát sinh từ khoản lỗ chênh lệch tỷ giá vào chi phí tài chính của công ty, bên cạnh các khoản mục chi phí khác có mức thay đổi phù hợp với sự thay đổi của doanh thu và thu nhập trong kỳ. Công ty cũng đã hoàn thành tốt mục tiêu tỷ lệ chia cổ tức là 8% đã đề ra. Bên cạnh sự gia tăng của các chi phí, chi phí khấu hao và hao mòn của Công ty trong năm 2018 giảm 7,48% từ 191 tỷ đồng còn 177 tỷ đồng, làm dịch chuyển tỷ trọng giảm. Năm 2018, Công ty có EBITDA là 387 tỷ đồng tăng 29,25% so với năm 2017, có thể thấy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2018 biến động tăng trưởng tốt.

Cơ cấu doanh thu

ĐVT: Triệu đồng

STT	Doanh thu	Năm 2017	Năm 2018	% tăng/ giảm
1	Doanh thu bán hàng	894.299	942.791	5,42%
2	Doanh thu cung cấp dịch vụ lắp đặt	60.728	68.811	13,31%
Tổng cộng		955.027	1.011.602	7,22%



Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai hoạt động trong 2 lĩnh vực chính là cung cấp nước và cung cấp dịch vụ lắp đặt. Doanh thu chiếm tỷ trọng lớn nhất là doanh thu từ hoạt động cung cấp nước chiếm 94,13% doanh thu thuần, doanh thu cung cấp dịch vụ lắp đặt chiếm 5,87%. Hoạt động cung cấp nước của Công ty được phát triển thông qua sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Ban Giám đốc và sự nỗ lực làm việc của toàn bộ cán bộ công nhân viên, giúp Công ty đạt được doanh thu gần 943 tỷ đồng, tăng

5,42% so với cùng kỳ năm 2017, chiếm tỷ trọng cao bên cạnh các hoạt động khác của Công ty. Hoạt động cung cấp dịch vụ lắp đặt tuy chiếm một tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu doanh thu của Công ty, nhưng năm 2018 đã đạt được gần 69 tỷ đồng, tăng 13,31% so với năm 2017. Đó là một dấu hiệu khả quan để phát triển lĩnh vực này trong tương lai, nhằm tối đa hóa lợi nhuận, đẩy mạnh chuyên sâu các ngành nghề hoạt động của Công ty.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Danh sách Ban Điều hành

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu (*)	Tỷ lệ sở hữu
1	Phan Hùng	Giám đốc	15.035.200	15,04%
2	Lê Duy Diệp	Phó Giám đốc	15.005.500	10,01%
3	Nguyễn Văn Bình	Phó Giám đốc	10.035.700	10,04%
4	Nguyễn Xuân Thịnh	Phó Giám đốc	10.005.200	10,01%
5	Nguyễn Thu Oanh	Kế toán trưởng	28.800	0,03%

(*) Tính tại thời điểm 11/03/2019

Lý lịch Ban Điều hành

Ông Phan Hùng – Giám đốc

Năm sinh	1959
Trình độ chuyên môn	Cử nhân tài chính
Quá trình công tác	
<ul style="list-style-type: none"> 04/2004 – 03/2014 	Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc Công ty, Giám đốc BQL các dự án cấp nước Đồng Nai - Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai.
<ul style="list-style-type: none"> 04/2014 – 12/2014 	Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai.
<ul style="list-style-type: none"> 01/2015 – nay 	Thành viên HĐQT, Giám đốc CTCP Cấp nước Đồng Nai. Giám đốc.
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Thành viên HĐQT, Giám đốc.
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay	15.035.200 cổ phần, chiếm 15,04% vốn điều lệ.
<ul style="list-style-type: none"> Số cổ phần cá nhân sở hữu 	35.200 cổ phần, chiếm 0,04% vốn điều lệ.
<ul style="list-style-type: none"> Số cổ phần đại diện sở hữu 	15.000.000 cổ phần, chiếm 15% vốn điều lệ.



Ông Nguyễn Xuân Thịnh – Phó Giám đốc

Năm sinh	1959
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Điện công nghiệp, Kỹ sư CNTT
Quá trình công tác	
<ul style="list-style-type: none"> • 2004 – 04/2014 • 2008 – 2012 • 05/2014 – 12/2014 • 01/2015 – nay 	Phó Giám đốc Công ty, Phó Giám đốc Chi nhánh quản lý các dự án cấp nước Đồng Nai Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai. Chủ tịch HĐQT CTCP Cấp nước Nhơn Trạch. Phó Giám đốc Công ty, Giám đốc Chi nhánh quản lý các dự án cấp nước Đồng Nai - Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai. Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc CTCP Cấp nước Đồng Nai Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc.
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc.
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay	10.005.200 cổ phần, chiếm 10,01% vốn điều lệ.
<ul style="list-style-type: none"> • Số cổ phần cá nhân sở hữu • Số cổ phần đại diện sở hữu 	5.200 cổ phần, chiếm 0,01% vốn điều lệ. 10.000.000 cổ phần, chiếm 15% vốn điều lệ.

Ông Nguyễn Văn Bính – Phó Giám đốc

Năm sinh	1960
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế, Kỹ sư cấp thoát nước
Quá trình công tác	
<ul style="list-style-type: none"> • 07/2005 – 03/2014 • 04/2008 – nay • 04/2014 – 12/2014 • 01/2015 – nay 	Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai. Chủ tịch HĐQT CTCP Cấp nước Long Khánh. Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai. Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc CTCP Cấp nước Đồng Nai. Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc.
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc.
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay	10.035.700 cổ phần, chiếm 10,04% vốn điều lệ.
<ul style="list-style-type: none"> • Số cổ phần cá nhân sở hữu • Số cổ phần đại diện sở hữu 	35.700 cổ phần, chiếm 0,04% vốn điều lệ. 10.000.000 cổ phần, chiếm 15% vốn điều lệ.



Ông Lê Duy Diệp - Phó Giám đốc

Năm sinh	1959
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kế toán tổng hợp
Quá trình công tác	
• 04/2004 – 03/2014	Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai.
• 04/2014 – 12/2014	Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai.
• 01/2015 – nay	Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc CTCP Cấp nước Đồng Nai.
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc.
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay	10.005.500 cổ phần, chiếm 10,01% vốn điều lệ.
• Số cổ phần cá nhân sở hữu	5.500 cổ phần, chiếm 0,01% vốn điều lệ.
• Số cổ phần đại diện sở hữu	10.000.000 cổ phần, chiếm 10% vốn điều lệ.

Bà Nguyễn Thu Oanh – Kế toán trưởng

Năm sinh	1969
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Tài chính kế toán
Quá trình công tác	
• 02/2001 – 03/2014	PP. TCKT Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai.
• 04/2014 – 12/2014	Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai.
• 01/2015 – nay	Kế toán trưởng CTCP Cấp nước Đồng Nai.
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Kế toán trưởng.
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay	28.800 cổ phần, chiếm 0,03% vốn điều lệ.
• Số cổ phần cá nhân sở hữu	28.800 cổ phần, chiếm 0,03% vốn điều lệ.
• Số cổ phần đại diện sở hữu	0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.

Danh sách thay đổi thành viên HĐQT, BKS, BTGD trong năm 2018: Không có.



save water .. save life

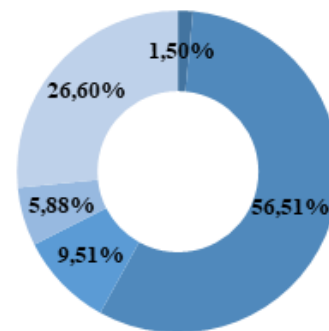
Số lượng cán bộ công nhân viên

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ
A	Theo trình độ	936	100,00%
1	Trên đại học	14	1,50%
2	Đại học	529	56,52%
3	Cao đẳng	89	9,51%
4	Trung cấp	55	5,88%
5	CNKT	249	26,60%
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	930	100,00%
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	181	19,46 %
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	749	80,54%
3	Hợp đồng theo thời vụ	0	0,00%
C	Theo giới tính	936	100,00%
1	Nam	627	66,99%
2	Nữ	309	33,01%

Theo trình độ: Trong chiến lược phát triển nguồn nhân lực của mình, Công ty đặc biệt chú trọng đến việc xây dựng, kiện toàn và củng cố đội ngũ cán bộ quản lý, điều hành doanh nghiệp. Trong những năm qua, chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý đã được nâng cao rõ rệt, có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên, chiếm hơn 50% trong tổng số lượng lao động hiện nay của Công ty, tiếp theo chiếm 26,6% là công nhân kỹ thuật. Với việc đẩy mạnh hoạt động đào tạo, đến nay hầu hết lao động của Công ty đều qua đào tạo với những chuyên môn phù hợp với yêu cầu công việc trong hiện tại và tương lai, có trình độ tin học đáp ứng tốt các yêu cầu công việc.

Theo trình độ

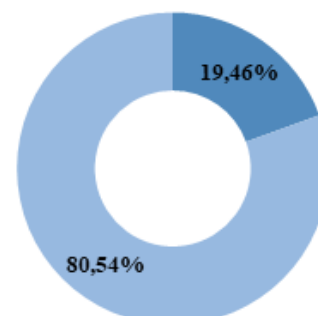
- Trên đại học
- Đại học
- Cao đẳng
- Trung cấp
- CNKT



Theo tính chất hợp đồng: Với quá trình hoạt động kinh doanh lâu năm trong ngành cấp nước, Công ty đang cố gắng xây dựng đội ngũ lao động ổn định, chất lượng, có kinh nghiệm để có thể hoàn thiện bộ máy quản lý tốt nhất. Do đó số lượng nhân công ký hợp đồng không xác định thời hạn chiếm tỷ trọng lớn nhất, chiếm hơn 80% trong 930 lao động của Công ty, để đảm bảo sự phù hợp với hoạt động Công ty hướng đến mục tiêu ổn định nguồn lực và phát triển Công ty.

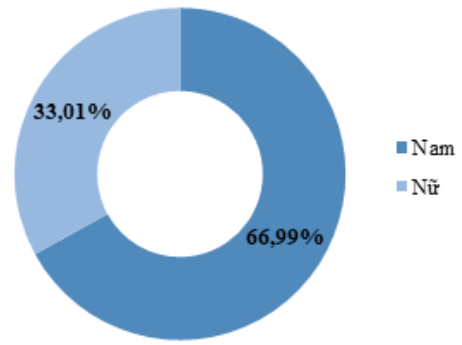
Theo tính chất hợp đồng lao động

- Hợp đồng có xác định thời hạn
- Hợp đồng không xác định thời hạn



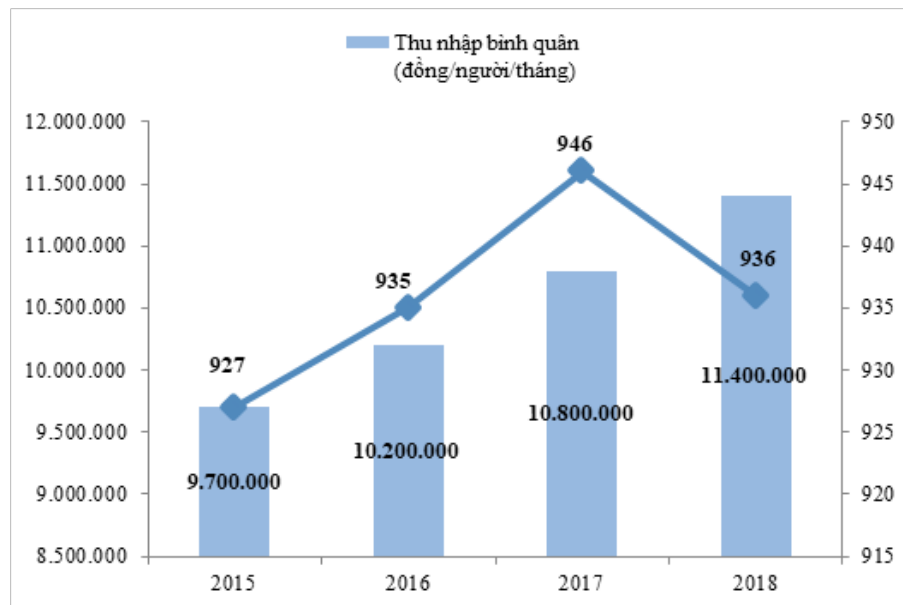
Theo giới tính

Theo giới tính: Công tác phân bổ nguồn lao động theo giới tính của Công ty có tỷ lệ giữa nam giới và nữ giới lần lượt là 67% và 33%. Với tính chất công việc yêu cầu cần vận hành máy móc và thường xuyên hoạt động ở ngoài trời, di chuyển nhiều nên lượng lao động của Công ty chủ yếu là nam giới phù hợp với hoạt động của Công ty.



Thu nhập bình quân

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
Tổng số lượng người lao động (người)	927	935	946	936
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	9.700.000	10.200.000	10.800.000	11.400.000



Công ty luôn quan tâm thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với người lao động theo quy định của Bộ Luật lao động và các chế độ, chính sách hiện hành của Nhà nước. Công ty cũng luôn đảm bảo trang bị đầy đủ các phương tiện làm việc cần thiết cho cán bộ công nhân viên, đào tạo về an toàn vệ sinh lao động, trang bị bảo hộ lao động đầy đủ và các điều kiện làm việc an toàn khác. Hàng năm, Công ty áp dụng chế độ khám, kiểm tra sức khỏe tổng quát định kỳ cho toàn thể cán bộ công nhân viên, xây dựng chính sách lương thưởng phù hợp với từng vị trí và từng người. Năm 2018, thu nhập bình quân/lao động đạt hơn 11 triệu đồng/người/tháng tăng 5,56% so với năm 2017.

Chính sách nhân sự

Về đào tạo

Công ty đã lập kế hoạch đào tạo cho đội ngũ cán bộ quản lý và người lao động trong năm 2018, thực hiện các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho người lao động, bổ sung các kiến thức chuyên ngành, nâng cao trình độ lý luận chính trị cho đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ thuộc diện quy hoạch và người lao động. Các chức danh quy hoạch là người đại diện phần vốn còn được tham gia các khóa đào tạo về quản trị rủi ro, quản trị Công ty, cử tham gia đào tạo trình độ thạc sỹ. Công tác đào tạo được tiến hành đồng thời tại Công ty và cử CBCNV tham gia đào tạo ngoài Công ty thông qua các hình thức trao đổi, học tập kinh nghiệm, tham gia các khóa đào tạo, tập huấn do Chi hội cấp nước Miền Nam và các tổ chức đào tạo tổ chức...

Công ty duy trì thường xuyên công tác quy hoạch, đào tạo; bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực tại chỗ; quy hoạch cán bộ trẻ, cán bộ có năng lực để chủ động đội ngũ cán bộ kế cận. Ngoài ra, Công ty thường xuyên tổ chức các hội thảo kỹ thuật nội bộ liên quan đến lĩnh vực cấp nước an toàn nhằm chia sẻ kinh nghiệm, đề ra các giải pháp ứng dụng vào hoạt động sản xuất kinh doanh, góp phần nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, nhân viên kỹ thuật. Công tác đào tạo tại Công ty năm 2018 đã góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, nâng cao năng suất, chất lượng nguồn nhân lực và nhận thức của người lao động với hoạt động chung của Công ty.



Trong năm 2018 Công ty đã cử CBCNV tham dự tập huấn, đào tạo: 13 khóa nghiệp vụ với 213 lượt người như sau:

- Cập nhật một số quy định mới liên quan đến hoạt động đầu tư Xây dựng;
- Quản lý Phòng thí nghiệm theo Tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017;
- Nghiệp vụ đấu thầu chuyên sâu phục vụ thi sát hạch Chứng chỉ hành nghề hoạt động đấu thầu;
- Kiểm toán nội bộ chuẩn Quốc tế IIA;
- Quản lý dự án chuẩn Quốc tế PMI và Quản trị rủi ro & Kiểm soát nội bộ chuẩn Quốc tế COSO;
- Cập nhật các chính sách về lao động, tiền lương và bảo hiểm xã hội tác động đến xây dựng chi phí, giá thành sản phẩm;
- Nghiệp vụ thư ký và trợ lý Giám đốc;
- Kỹ năng giải quyết mâu thuẫn - xung đột;
- Lập và thẩm định dự án đầu tư;
- Xây dựng kế hoạch phát triển chung và dài hạn đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đối với các doanh nghiệp cấp thoát nước...



Về lương, thưởng

Năm 2018:

Công ty tiếp tục thực hiện phân phối lương cho người lao động theo tính chất công việc và sự đóng góp công sức của người lao động. Quỹ tiền lương được phân phối trực tiếp cho người lao động, không sử dụng vào mục đích khác. Trường hợp người lao động làm thêm giờ hoặc làm đêm, Công ty thực hiện việc chi trả phụ cấp làm đêm và lương ngoài giờ theo đúng quy định của Bộ luật Lao động năm 2012.

Công ty xây dựng chính sách lương phù hợp với đặc trưng ngành nghề hoạt động và bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước, phù hợp với trình độ, năng lực và công việc của từng người. Cán bộ công nhân viên thuộc khối văn phòng và gián tiếp được hưởng lương thời gian, công nhân sản xuất trực tiếp được hưởng lương theo cấp bậc và tay nghề.

Dự kiến năm 2019:

- Ngay từ Quý IV năm 2018 Công ty xây dựng kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh và đề ra các chỉ tiêu phấn đấu cho năm 2019. Trên cơ sở đó Công ty đã xác định tổng số lao động kế hoạch là 953 người, tổng quỹ lương là 139,5 tỷ đồng, mức thu nhập bình quân của người lao động là 11,8 triệu đồng/người/tháng.
- Căn cứ tình hình sản xuất kinh doanh và các nguồn quỹ hiện có, Công ty cố gắng duy trì, đảm bảo thu nhập, mức thưởng cho người lao động bằng hoặc cao hơn năm 2018.

Trong năm 2018, Công ty đã ban hành các văn bản về chính sách tiền lương cho người lao động như sau:

- Quyết định số 09/QĐ-CN ngày 05/01/2018 của Giám đốc Công ty về việc điều chỉnh mức lương, mức phụ cấp, thang lương, bảng lương cho người lao động theo mức lương tối thiểu vùng.
- Quy định phân phối quỹ tiền lương cho các chi nhánh sản xuất trực thuộc công ty ban hành theo Quyết định số 159/QĐ-CN ngày 20/4/2018 của Giám đốc Công ty.
- Quy chế tiền lương, thù lao và tiền thưởng Công ty cổ phần cấp nước Đồng Nai ban hành theo Quyết định số 23/QĐ-HĐQT ngày 25/6/2018 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.



Về phúc lợi, đãi ngộ

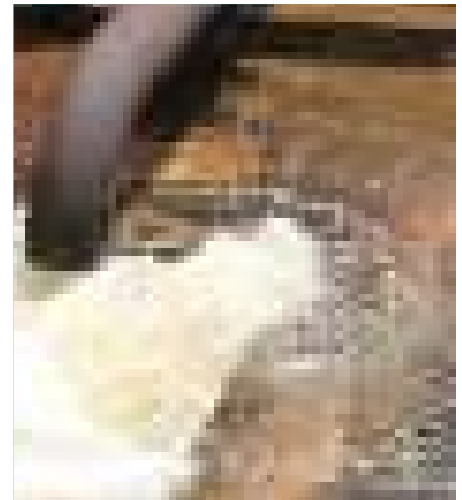
- Người sử dụng lao động tại Công ty đã thực hiện nghiêm túc các điều khoản đã ký kết với đại diện tập thể lao động theo Thỏa ước lao động tập thể 2017-2018.
- Công ty thực hiện trích nộp đầy đủ các quỹ bảo hiểm cho người lao động. Một số chính sách phúc lợi cho người lao động đã thực hiện như: Tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm; trang bị bảo hộ lao động cho người lao động trực tiếp sản xuất; người lao động được hưởng các chế độ phúc lợi cao hơn Bộ luật Lao động năm 2012 như nghỉ việc riêng được hưởng nguyên lương khi kết hôn, con kết hôn, gia đình có việc hiếu, việc hỷ; người lao động được hưởng các khoản trợ cấp khi nghỉ hưu, hết tuổi lao động, có tang gia...
- Công ty định kỳ tổ chức các hoạt động thể dục thể thao nhằm tạo không khí thi đua sôi nổi, rèn luyện sức khỏe để phục vụ sản xuất. Sử dụng các nguồn quỹ hiện có để tặng quà cho người lao động và con người lao động trong các dịp Lễ, Tết (Trung thu, Quốc tế thiếu nhi, Tết Âm lịch...).



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

1. Dự án Hệ thống cấp nước Thiện Tân (giai đoạn 2)

- Mục đích dự án: Đầu tư xây dựng mở rộng hệ thống cấp nước Thiện Tân hiện hữu nhằm đáp ứng được nhu cầu dùng nước sinh hoạt, dịch vụ công cộng và các khu công nghiệp tập trung tại xã Thạnh Phú (huyện Vĩnh Cửu), TP. Biên Hòa và huyện Trảng Bom.
- Quy mô, công suất: Đầu tư mở rộng nhà máy nước Thiện Tân công suất từ 100.000m³/ngày lên 200.000m³/ngày.
- Thời gian thực hiện dự án: 2008 – 2018.
- Tình hình thực hiện dự án: Công trình khởi công vào ngày 25/6/2015. Nghiệm thu hoàn thành, bàn giao vào ngày 21 và 22/11/2018, cấp Chứng chỉ hoàn thành công trình (TOC) cho Nhà thầu vào ngày 14/12/2018.
- Nguồn vốn đầu tư cho dự án: 67% vay ODA Hàn Quốc và 33% vốn đối ứng.



2. Dự án Hệ thống cấp nước Nhơn Trạch (giai đoạn 2)

- Mục đích dự án: Đáp ứng nhu cầu sử dụng nước cho sản xuất, sinh hoạt của các khu công nghiệp, khu dân cư từ thành phố Biên Hòa đến các đô thị và khu công nghiệp thuộc các huyện Long Thành và huyện Nhơn Trạch.
- Quy mô, công suất: Đầu tư mở rộng nhà máy nước Nhơn Trạch công suất từ 100.000m³/ngày lên 200.000m³/ngày.
- Thời gian thực hiện: 2015 – 2021.
- Tình hình thực hiện dự án: Dự án đang trong giai đoạn Thiết kế chi tiết; Ngày 19/12/2018, Tư vấn (Liên danh Nippon Koei-Dohwa-Wase và Nippon Koei Việt Nam) nộp bộ Hồ sơ thiết kế chi tiết (chỉnh sửa lần cuối); Chủ đầu tư đang xem xét trước khi gửi thẩm định; Ngày 28/12/2018, Chủ đầu tư có văn bản góp ý chỉnh sửa Hồ sơ mời thầu các gói thầu xây lắp của dự án để Tư vấn hoàn thiện bộ Hồ sơ mời thầu này.
- Nguồn vốn đầu tư cho dự án: 85% vay ODA Nhật Bản và 15% vốn đối ứng.

3. Hệ thống cấp nước xã Long Hưng, giai đoạn 2, Tp Biên Hòa, công suất 20.400m³/ngày

- Mục đích dự án: nhằm tạo nguồn cung cấp nước sinh hoạt đến chân hàng rào của các dự án trong khu đô thị sinh thái kinh tế mở Long Hưng giai đoạn 2020, bao gồm: khu đô thị Water Front, khu đô thị Aquacity, khu dân cư thương mại dịch vụ xã Phước Tân (khu Cường Hưng), khu đô thị dịch vụ cù lao Phước Hưng.
- Quy mô, công suất: Lắp đặt đường ống HDPE D560 chuyển tải, cấp nước nguồn với công suất 20.400m³/ngày cho khu vực dự kiến cấp nước, chia làm 3 tuyến: Tuyến 1 dài khoảng 6.520m, tuyến 2 dài khoảng 992m, tuyến 3 dài khoảng 3.387m.
- Thời gian thực hiện: 2013 – 2019.
- Tình hình thực hiện: đã thi công hoàn thành, nghiệm thu bàn giao vào ngày 07/5/2018.

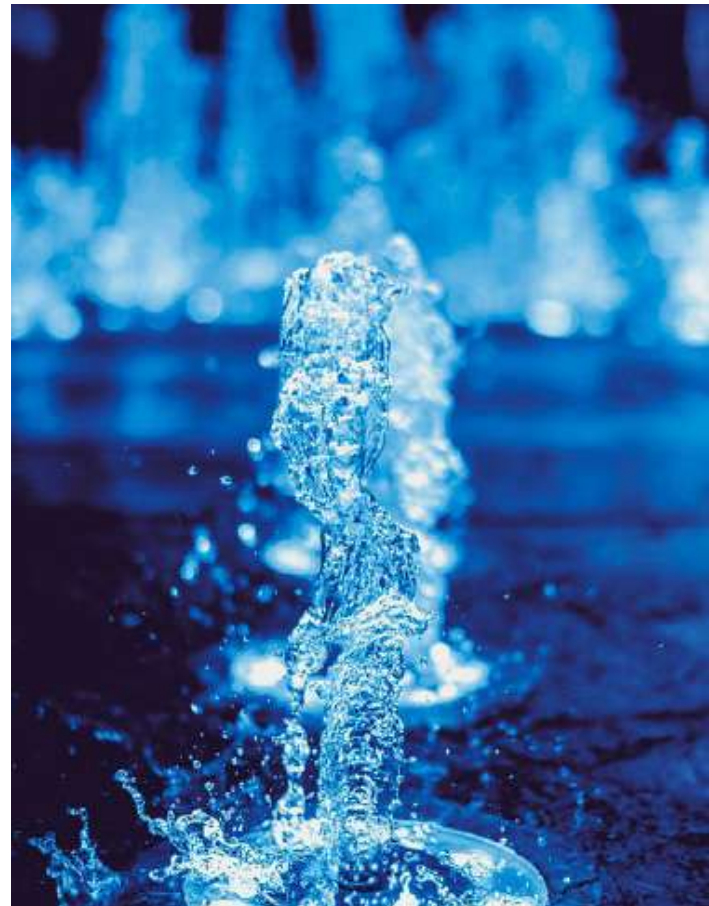
4. Hệ thống cấp nước thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom (giai đoạn 2)

- Mục đích dự án: đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng nước sạch cho ăn uống, sinh hoạt, dịch vụ, sản xuất và các hoạt động khác của nhân dân thị trấn Trảng Bom, huyện Trảng Bom.
- Quy mô đầu tư: Xây dựng các tuyến ống phân phối nước bằng ống HDPE có đường kính từ OD63 – OD225 với chiều dài khoảng 14.628m trên các tuyến đường tại khu phố 1, 2, 3, 5 thuộc thị trấn Trảng Bom.
- Thời gian thực hiện: 2017 – 2018.
- Tình hình thực hiện dự án: dự án đã thi công hoàn thành, nghiệm thu bàn giao vào ngày 12/4/2018.



5. Hệ thống cấp nước xã Vĩnh Tân – Trị An, huyện Vĩnh Cửu

- Mục đích dự án: đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch cho dân cư sống dọc theo đường ĐT767 (xã Vĩnh Tân), ĐT768 (xã Trị An) và một số tuyến hẻm nhánh thuộc khu vực xã Vĩnh Tân, xã Trị An, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.
- Quy mô đầu tư: xây dựng mạng lưới đường ống chuyển tải và phân phối có các đường kính ống HDPE OD160, OD110 dài khoảng 46.874m dọc hai bên đường ĐT767 (xã Vĩnh Tân), ĐT768 (xã Trị An) và một số tuyến ống nhánh ở các hẻm chính dọc hai tuyến đường này, gồm 21 tuyến (trong đó xã Vĩnh Tân 10 tuyến hẻm, xã Trị An 11 tuyến hẻm).
- Thời gian thực hiện: 2015 – 2019.
- Tình hình thực hiện dự án: Đã thi công hoàn thành, nghiệm thu bàn giao Gói thầu xây lắp Tuyến ống cấp nước xã Vĩnh Tân vào ngày 25/4/2018 (trong đó đã lắp đặt 24.580m các loại ống như: 14.252,5m ống HDPE OD160, 10.086,2m ống HDPE OD110, 226,9m ống thép DN160 và 14,4m ống thép DN110).





6. Hệ thống cấp nước xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu

- Mục đích dự án: đáp ứng nhu cầu nước sạch cho sinh hoạt, dịch vụ, sản xuất và các hoạt động khác thuộc khu vực xã Thạnh Phú thuộc huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.
- Quy mô đầu tư: xây dựng mạng lưới đường ống chuyển tải và phân phối gồm 12 tuyến có đường kính D500, D315, D280, D225, D180, D125 dài khoảng 21.225,2m, 41 trụ cứu hỏa và các phụ tùng khác dọc hai bên đường ĐT768, Hương lộ 6, Hương lộ 15 và một số tuyến hẻm nhánh trên các tuyến đường.
- Thời gian thực hiện: 2012 – 2019.
- Tình hình thực hiện dự án: Gói thầu xây lắp – Tuyến ống đường ĐT768 & các đường nhánh đã thi công hoàn thành, nghiệm thu bàn giao vào ngày 04/7/2018.



7. Hệ thống cấp nước xã Long An, huyện Long Thành

- Mục đích dự án: Đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng nước sạch cho ăn uống, sinh hoạt, dịch vụ, sản xuất và các hoạt động khác của nhân dân ấp 1, ấp 2 và ấp Xóm Gốc (khu vực 1); ấp 4, ấp Bưng Môn và ấp An Lâm (khu vực 2) thuộc xã Long An, huyện Long Thành.
- Quy mô đầu tư: Xây dựng các tuyến ống chuyển tải và phân phối bằng ống HDPE có đường kính từ OD63 – OD225 với tổng chiều dài 12.703m và các phụ tùng, thiết bị trên tuyến trên đường Bưng Môn, các đường hẻm thuộc giáo xứ Thái Lạc và Quốc lộ 51 cho các ấp 1, ấp 2, Xóm Gốc; ấp 4, ấp Bưng Môn và ấp An Lâm).
- Thời gian thực hiện: 2017 – 2019.
- Tình hình thực hiện dự án: Công trình đã thi công hoàn thành, nghiệm thu bàn giao vào ngày 01/02/2019.

8. Hệ thống cấp nước xã Bình Sơn, huyện Long Thành

- Mục đích dự án: Đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng nước sạch cho ăn uống, sinh hoạt, dịch vụ, sản xuất và các hoạt động khác của nhân dân xã Bình Sơn, huyện Long Thành.
- Quy mô đầu tư: Xây dựng các tuyến ống chuyển tải và phân phối bằng ống HDPE có đường kính từ OD90 – OD315 với tổng chiều dài 11.398m và các phụ tùng, thiết bị trên tuyến.
- Thời gian thực hiện: 2017 – 2019.
- Tình hình thực hiện dự án: trong năm 2018, Nhà thầu đã thi công lắp đặt được 9.428m/11.428m (đạt khoảng 82,5%) khối lượng ống các loại. Dự kiến ngày 20/2/2019, Nhà thầu sẽ tiếp tục triển khai thi công để hoàn thành và đưa vào sử dụng công trình.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Khoản phải thu

ĐVT: Triệu đồng

STT	Các khoản phải thu	Năm 2017	Năm 2018	% tăng giảm
I	Phải thu ngắn hạn	289.459	142.090	-50,91%
1	Phải thu ngắn hạn khách hàng	78.279	68.139	-12,95%
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	195.489	66.816	-65,82%
3	Phải thu ngắn hạn khác	3.564	10.222	186,80%
4	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(2.873)	(3.087)	7,46%
5	Phải thu về cho vay ngắn hạn	15.000	-	-
II	Phải thu dài hạn	-	-	-
	Tổng cộng	289.459	142.090	-50,91%

Trong năm 2018, Công ty chủ yếu phát sinh khoản phải thu ngắn hạn, không có khoản phải thu dài hạn. Phải thu ngắn hạn giảm 50,91% so với cùng kỳ năm 2017, nguyên nhân do giảm khoản trả trước cho người bán chủ yếu là giảm trả trước cho công ty Kumho Industrial từ 186 tỷ còn 64 tỷ, tương đương giảm 62,17% so với cùng kỳ năm 2017. Vòng quay khoản phải thu đạt 4,69 vòng, tương đương các khoản phải thu được thu về bình quân trong vòng 77 ngày, doanh thu tăng hơn 56 tỷ đồng với tỷ lệ tăng gần 6% trong khi đó khoản phải thu khách hàng giảm 12,95%. Điều này cho thấy Công ty quản lý tốt công nợ của mình, dòng tiền thực phát sinh từ doanh thu cao giúp cho Công ty tăng thêm thanh khoản trong bối cảnh sử dụng nợ vay như hiện tại, giảm thiểu chi phí lãi vay các khoản nợ vay. Trong nhiều năm qua, DOWACO vẫn giữ vững danh tiếng là một trong 3 đơn vị cấp nước lớn nhất Việt Nam, đem lại niềm tin cho cổ đông đã và đang đầu tư vào Công ty.



Khoản phải trả

ĐVT: Triệu đồng

STT	Các khoản phải trả	Năm 2017	Năm 2018	% tăng giảm
I	Phải trả ngắn hạn	641.808	610.456	-4,88%
1	Vay ngắn hạn	505.872	462.997	-8,48%
2	Phải trả người bán	52.345	61.659	17,79%
3	Người mua trả tiền trước	16.191	17.234	6,44%
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	6.165	14.280	131,64%
5	Phải trả người lao động	17.179	12.866	-25,11%
6	Chi phí phải trả	14.534	16.422	12,99%
7	Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.527	7.369	12,90%
8	Quỹ khen thưởng phúc lợi	22.994	17.628	-23,34%
II	Phải trả dài hạn	1.761.232	1.805.644	2,52%
1	Người mua trả tiền trước dài hạn	7.745	3.868	-50,06%
2	Phải trả dài hạn khác	231.451	37.278	-83,89%
3	Vay và nợ dài hạn	1.522.037	1.764.498	15,93%
	Tổng cộng	2.403.040	2.416.100	0,54%

Như đã trình bày ở những phần trên, trong năm 2018 DNW đã gia tăng việc vay nợ trong cơ cấu nguồn vốn của mình nhằm tài trợ cho việc mở rộng mạng lưới cấp nước, đầu tư, nâng cấp hệ thống cấp thoát nước, phương tiện vận tải và công cụ dụng cụ, đáp ứng nhu cầu phát triển lượng khách hàng và nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ của DNW. Tổng nợ năm 2018 đạt 2.416 tỷ đồng, tăng 0,54% so với năm 2017, trong đó phải trả ngắn hạn giảm đạt 610 triệu đồng (chiếm 25,27%/ tổng nợ), phải trả dài hạn tăng đạt 1.805 tỷ đồng (chiếm 74,73%/ tổng nợ). Khoản phải trả ngắn hạn giảm 4,88% so với cùng kỳ năm 2017 do các khoản vay, phải trả người lao động, quỹ khen thưởng phúc lợi giảm lần lượt 8,48%, 25,11% và 23,34%.

Khoản phải trả dài hạn tăng 2,52% so với năm 2017. Nguyên nhân do vay nợ dài hạn tăng 15,93% so với năm 2017 và chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu phải trả dài hạn nên dù các khoản người mua trả tiền trước và phải trả dài hạn khác đều giảm mạnh trong năm những vẫn không bù đắp được khoản tăng hơn 242 tỷ đồng từ nợ vay. Đặc biệt, khoản phải trả dài hạn khác giảm 83,89% so với năm 2017 từ 231 tỷ đồng còn 37 tỷ đồng, do Công ty đang hoàn trả khoản nợ cho công ty Kumho Industrial – Dự án Xây dựng nhà máy nước Thiện Tân giai đoạn 2. DOWACO hiện đang xử lý cần đổi lại các khoản vay hợp lý nhằm tài trợ cho các hợp đồng ngắn hạn và dài hạn một cách hiệu quả. Từ đó giảm thiểu rủi ro tài chính, chi phí lãi vay, mất tính thanh khoản.



Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

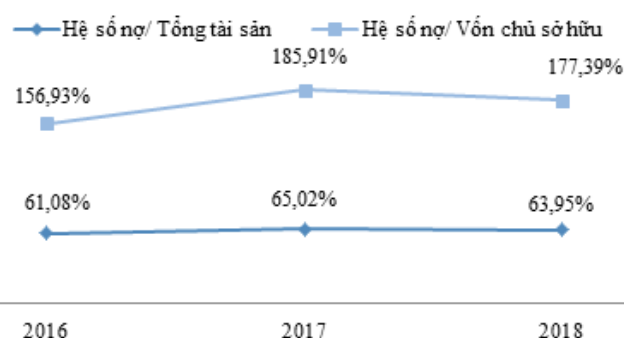
Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,81	0,47
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,73	0,40
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	65,02	63,95
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	185,91	177,39
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	12,47	13,99
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,27	0,27
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	4,58	12,57
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	3,34	9,57
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	1,23	3,40
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	5,72	14,45

Cơ cấu vốn của Công ty

Trong năm 2018, DOWACO tăng vay dài hạn và giảm vay ngắn hạn nên làm cho khoản nợ phải trả của Công ty tăng tương ứng 0,54%, từ 2.403 tỷ đồng lên 2.416 tỷ đồng. Trong khi đó, tổng tài sản tăng tương ứng 2,23%, từ 3.696 tỷ đồng lên 3.778 tỷ đồng, trong đó sự thay đổi này xuất phát từ những biến động của tài sản dài hạn bởi sự chuyển dịch trong chi phí xây dựng cơ bản dở dang tác động đến tài sản cố định nên tổng tài sản không tăng mạnh mặc dù tài sản cố định tăng cao hơn 346 tỷ đồng. Nguyên nhân do năm 2018 Công ty đã hoàn thành 06 dự án hệ thống cấp nước tại các xã trong tỉnh Đồng Nai. Riêng đối với vốn chủ sở hữu việc tăng các khoản mục lợi nhuận chưa phân phối, kinh phí và các quỹ khác, chính là yếu tố đã góp phần làm vốn chủ sở hữu năm 2018 tăng tương đối 5,37% so với năm trước từ 1.292 tỷ đồng lên 1.362 tỷ đồng. Cơ cấu vốn của Công ty cho thấy Công ty đang sử dụng đòn bẩy tài chính

cao đặc biệt là khoản nợ dài hạn chiếm 73,03% trong tổng nợ phải trả, tuy nhiên nguồn vốn vay chủ yếu của Công ty là vốn từ ODA có lãi suất thấp và Công ty vẫn đang thực hiện trả nợ hàng năm ổn định nên giảm thiểu tối đa rủi ro tài chính. Nhìn chung, các yếu tố tác động đến cơ cấu vốn của Công ty đều tăng nhưng do tốc độ tăng của nợ phải trả chậm hơn tốc độ tăng của tài sản và vốn chủ nên các hệ số có chiều hướng giảm so với cùng kỳ năm 2017.

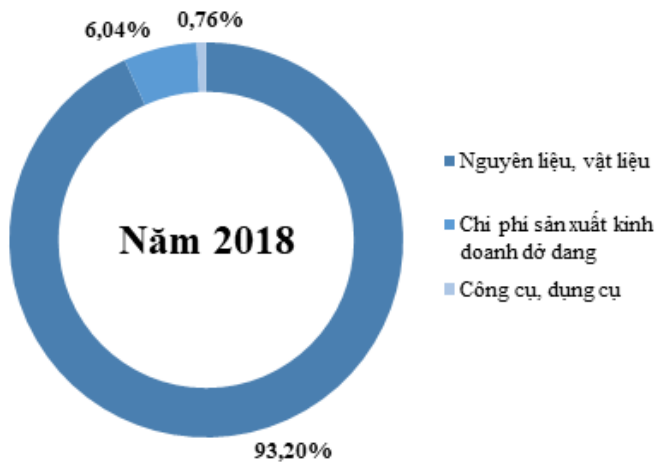
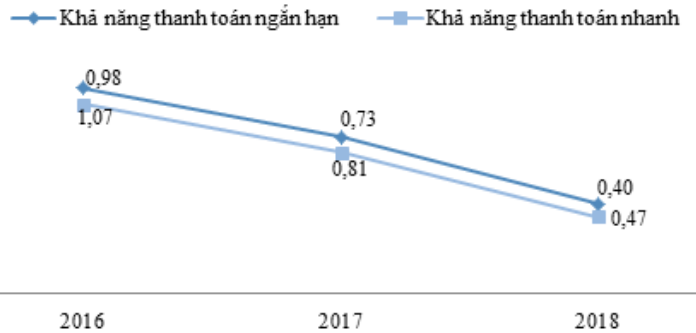
Cơ cấu vốn



Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Các chỉ tiêu khả năng thanh toán của Công ty đều giảm so với năm trước. Trong đó, hệ số thanh toán ngắn hạn giảm 0,34 lần và hệ số thanh toán nhanh giảm 0,33 lần so với năm 2017. Nguyên nhân do tài sản ngắn hạn giảm 45,53% so với cùng kỳ, chủ yếu từ khoản các khoản tương đương tiền và trả trước cho người bán giảm mạnh lần lượt là 66,33% và 65,82%. Khoản trả trước cho người bán chủ yếu đến từ trả cho công ty Kumho Industrial, giảm từ 195 tỷ đồng còn 67 tỷ đồng. Công ty đã sử dụng tiền để đầu tư vào tài sản cố định nhằm mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh, nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng.

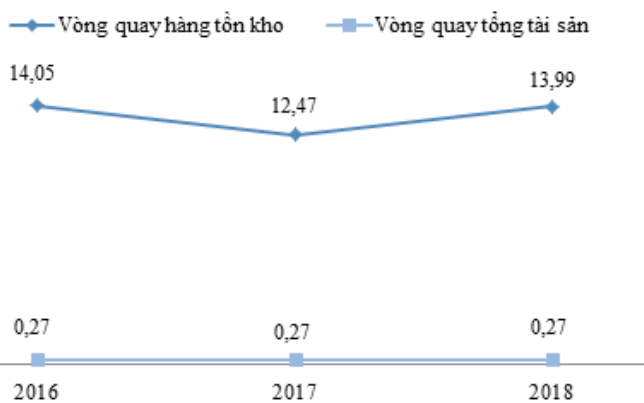
Khả năng thanh toán



DVT: triệu đồng

STT	Hàng tồn kho	Năm 2017	Năm 2018
1	Nguyên liệu, vật liệu	44.487	37.099
2	Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	7.294	2.405
3	Công cụ, dụng cụ	221	301
Tổng cộng		52.002	39.806

Năng lực hoạt động



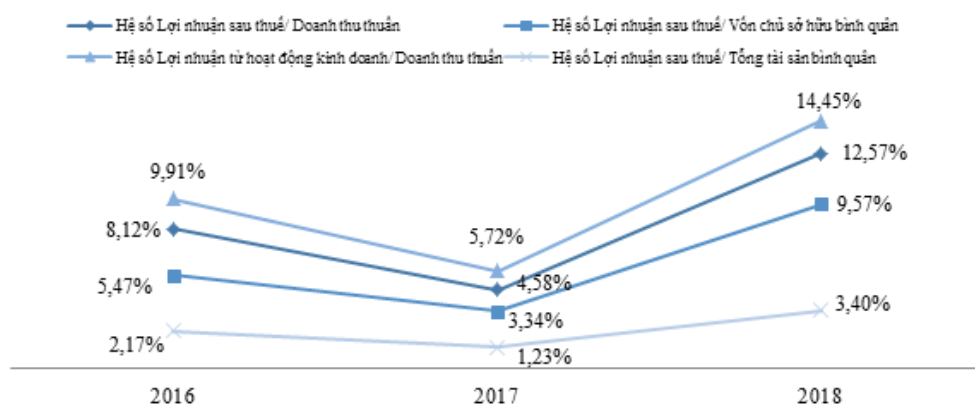
Năng lực hoạt động

Vòng quay hàng tồn kho năm 2018 có sự gia tăng, nhờ đó có thể thấy được công tác quản trị hàng tồn kho của Công ty đang diễn ra tốt. Trong năm, giá vốn hàng bán đã gia tăng đáng kể với mức 8,10% so với cùng kỳ năm trước, từ 594 tỷ đồng lên 642 tỷ đồng, bên cạnh đó hàng tồn kho lại có sự sụt giảm, đây chính là nguyên nhân chủ yếu làm vòng quay hàng tồn kho tăng 1,52 vòng (từ 12,47 vòng lên 13,99 vòng). Trong năm 2018, hàng tồn kho đạt gần 40 tỷ đồng, giảm 23,45% so với năm 2017; nguyên nhân giảm do các khoản mục trong cơ cấu đều giảm tương đối như nguyên liệu, vật liệu giảm từ 44 tỷ đồng còn 37 tỷ đồng, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang giảm từ 7 tỷ còn hơn 2 tỷ đồng và công cụ, dụng cụ cũng giảm đáng kể. Đối với vòng quay tổng tài sản thì không có sự thay đổi qua các năm, do tổng tài sản và doanh thu thuần của Công ty tăng tương đối trong năm lần lượt là 2,23% và 5,19%. Từ đó cho thấy năng lực hoạt động của Công ty đang giữ mức ổn định.

Khả năng sinh lời

Các chỉ số khả năng sinh lời năm 2018 của Công ty có đà tăng trưởng mạnh so với năm trước, trong đó hệ số của lợi nhuận sau thuế và lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần và có sự tăng trưởng cao nhất, nguyên nhân dẫn đến kết quả này do lợi nhuận sau thuế và lợi nhuận từ HĐKD của DNW có sự tăng mạnh so với năm 2017, nguyên nhân do trong năm 2018 Công ty đã hoàn thành nghiệm thu 06/08 dự án đầu tư khiến doanh thu tăng do lượng khách hàng tăng cao dẫn đến lợi nhuận tăng vượt bậc trong năm qua. Trong khi đó doanh thu thuần của Công ty có gia tăng nhưng không cao so với mức tăng trưởng của hai yếu tố trên, cụ thể các khoản mục này chỉ tăng tương ứng với mức 5,91% so với năm trước. Ngoài ra, sự thay đổi của vốn chủ sở hữu và tổng tài sản trong năm như đã phân tích làm tài sản dài hạn tăng và tài sản ngắn hạn giảm làm tổng tài sản giảm đáng kể nên ROA năm 2018 tăng so với năm 2017 từ 1,23% lên 3,4%; vốn chủ sở hữu cũng tăng tương đối nên ROE tăng từ 3,34% lên 9,57%. Tổng kết lại các chỉ tiêu sinh lời 2018 có kết quả tăng vượt bậc so với cùng kỳ năm 2017.

Khả năng sinh lời



TÌNH HÌNH CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Thông tin cổ phiếu

Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 100.000.000 cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 100.000.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

Loại cổ phần: Cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần

Cơ cấu cổ đông (tính đến ngày 19/09/2018)

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu
1	Cổ đông Nhà nước	1	63.989.100	639.891.000.000	63,99%
2	Tổ chức	2	29.750.833	297.508.330.000	29,75%
3	Cá nhân	821	6.260.067	62.600.670.000	6,26%
Tổng cộng		824	100.000.000	1.000.000.000.000	100%

Danh sách cổ đông lớn

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số lượng	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu/ VĐL
1	Tổng Công ty cổ phần Phát triển Khu công nghiệp	Số 1, Đường 1, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, TP Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	63.989.100	639.891.000.000	63,99%
2	Công ty cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương	Số 11 Ngõ Văn Trị, P.Phú Lợi, Thủ Dầu Một, Bình Dương	17.700.000	177.000.000.000	17,70%
3	Công ty cổ phần Nước Thủ Dầu Một	Số 7 Ngõ Văn Trị, P. Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương, Việt Nam	12.050.833	120.508.330.000	12,05%
Tổng cộng			93.739.933	937.399.330.000	93,74%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có.

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.

Các chứng khoán khác: Không có.



TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ CỘNG ĐỒNG

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Công ty sử dụng các hóa chất xử lý nước như: Clo, phèn, vôi,... cho quá trình xử lý nước để tạo ra nguồn nước sạch đáp ứng nhu cầu sử dụng của người dân và khách hàng. Đây là những hóa chất thông dụng, không đòi hỏi các chất hỗ trợ, các thiết bị và thao tác phức tạp, nhưng mang lại hiệu quả cao trong quá trình lọc nước, ổn định độ pH của nước, góp phần tạo ra nguồn nước chất lượng. Trong năm 2018, Công ty chi... cho các hóa chất xử lý nước. Khoảng chi phí này chiếm... tổng chi phí của Công ty.

Công ty luôn chú trọng sử dụng nguyên vật liệu thân thiện với môi trường và có thể tái chế, tái sử dụng được. Bên cạnh đó, Công ty luôn chú ý lựa chọn nguồn cung cấp nguyên vật liệu đáng tin cậy để giảm thiểu rủi ro mua nhầm hàng kém chất lượng, có khả năng gây hại cho môi trường sống và cộng đồng dân cư. Ngoài ra, Công ty cũng có những quy định về bảo quản hóa chất dùng trong xử lý rác thải, để tránh trường hợp lạm dụng hóa chất, gây ô nhiễm môi trường sống.

Tiêu thụ năng lượng

Công ty tiêu thụ điện năng để phục vụ quá trình sản xuất kinh doanh. Điện năng chiếm phần lớn trong chi phí sản xuất nhằm phục vụ cho quá trình vận hành các thiết bị và nhà máy nước. Công ty chủ trương sử dụng hợp lý nguồn nguyên nhiên vật liệu và khuyến khích toàn thể CBCNV thực hành tiết kiệm trong sản xuất và đời sống.

Tiêu thụ nước

Nước đóng vai trò là nguồn nguyên liệu đầu vào đồng thời là sản phẩm đầu ra của Công ty. Công ty sử dụng nguồn nước chủ yếu từ sông Đồng Nai, hồ Trị An, Gia Ui..., kết hợp với các biện pháp kỹ thuật nhằm xử lý phèn, lắng vẩn, lọc nước,... để sản xuất nguồn nước sạch đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng của Bộ Y Tế QCVN01/2009/BYT ngày 17/06/2016.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- Là một doanh nghiệp sử dụng tài nguyên nước khá lớn trên địa bàn, Công ty xác định việc chấp hành pháp luật về tài nguyên nước là trách nhiệm và quyền lợi của doanh nghiệp, ngoài việc phối hợp với các ngành chức năng để bảo vệ khai thác nguồn nước hiệu quả, tiết kiệm hạn chế ô nhiễm nguồn nước. Công ty thường xuyên kiểm tra chất lượng nguồn nước thô, quan tâm công tác xả thải nhằm hạn chế thấp nhất ô nhiễm môi trường.
- Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường hàng năm, công nghệ sản xuất nước sạch của Công ty phù hợp với tiêu chuẩn môi trường theo quy định. Ngoài ra các đoàn kiểm tra giám sát về môi trường của tỉnh và cơ quan thẩm quyền thường xuyên đến Công ty kiểm tra đã đánh giá Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh đảm bảo vệ sinh và môi trường.



Chính sách liên quan đến người lao động

VỀ BẢO HIỂM XÃ HỘI THEO LUẬT BẢO HIỂM XÃ HỘI NĂM 2014:

- Thêm đối tượng áp dụng: Từ ngày 01/01/2018 người làm việc theo hợp đồng lao động có thời hạn từ đủ 01 tháng đến dưới 03 tháng.
- Từ 01/01/2018 tiền lương tháng đóng BHXH là mức lương, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác theo quy định của pháp luật lao động. Tiền lương tháng đóng BHXH thấp nhất bằng mức lương tối thiểu vùng; cao nhất bằng 20 lần mức lương cơ sở theo quy định của Chính phủ.
- Từ 01/01/2018, mức lương hưu hằng tháng của người lao động đủ điều kiện quy định tại Điều 54 của Luật bảo hiểm xã hội năm 2014 được tính bằng 45% mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội quy định tại Điều 62 của Luật BHXH và tương ứng với số năm đóng bảo hiểm xã hội.

VỀ TIỀN LƯƠNG CÔNG TY THỰC HIỆN CÁC VĂN BẢN SAU:

- Nghị định số 141/2017/NĐ-CP ngày 07/12/2017 của Chính phủ quy định về mức lương tối thiểu vùng năm 2018 áp dụng từ 01/01/2018;
- Nghị định số 47/2017/NĐ-CP ngày 24/4/2017 của Chính phủ quy định về mức lương cơ sở 1.300.000 đồng/tháng áp dụng từ 01/7/2017.
- Nghị định số 72/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định về mức lương cơ sở 1.300.000 đồng/tháng áp dụng từ 01/7/2018.



Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

- Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là cung cấp nước sạch, một sản phẩm thiết yếu cho nhu cầu sinh hoạt hằng ngày của người dân, do đó ngoài hoạt động kinh doanh, Công ty còn phải đảm bảo vai trò phục vụ an sinh xã hội, Công ty sẽ tiếp tục xem xét tính khả thi và hiệu quả đầu tư các dự án để phục vụ nhân dân, nâng cao tỷ lệ số hộ dân được sử dụng nước sạch, góp phần cùng cơ quan ban ngành chức năng cải thiện môi trường sống và chăm lo sức khỏe cho cộng đồng.
- Công ty đóng góp xây dựng Nhà tình thương “Vạn tấm lòng vàng”, ủng hộ đồng bào bị thiên tai bão lụt, đóng góp quỹ “Vì người nghèo, nạn nhân chất độc màu da cam”, giúp đỡ tài trợ những gia đình khó khăn, gia đình liệt sỹ, bà mẹ Việt Nam anh hùng...





03



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tình hình tài chính
- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- Kế hoạch phát triển trong tương lai
- Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Những khó khăn, thuận lợi trong năm 2018



Thuận lợi:

- Tình hình kinh tế vĩ mô trong nước tương đối ổn định, tốc độ tăng trưởng GDP tăng so với năm 2017 và vượt mục tiêu Chính phủ đề ra. Bên cạnh đó, tỷ lệ lạm phát được kiểm soát ở mức thấp, lãi vay ổn định, tỷ giá biến động không đáng kể.
- Công ty nhận được chỉ đạo và quan tâm sâu sắc từ chủ sở hữu Nhà nước - UBND tỉnh Đồng Nai. Đây là điều thuận lợi cho Công ty luôn được sự chỉ dẫn hỗ trợ từ phía UBND tỉnh để mở rộng và phát triển hoạt động tại địa bàn.
- Sản phẩm và dịch vụ của Công ty là một trong những sản phẩm thiết yếu đối với người tiêu dùng, nhu cầu sử dụng nước sạch ngày càng gia tăng khi chất lượng đời sống xã hội ngày càng cao.
- Quy hoạch phát triển đô thị tại Đồng Nai trong thời gian qua có nhiều thay đổi, đặc biệt sẽ thay đổi nhanh chóng trong thời gian tới. Tỷ lệ đô thị hóa ngày càng tăng ở Đồng Nai, cùng với những hỗ trợ từ các sở ban ngành sẽ tạo điều kiện cho DOWACO tăng trưởng trong thời gian tới.



Khó khăn:

- Nguồn vốn ngân sách đầu tư cho cấp nước còn hạn chế, công ty phải đi vay để đầu tư nên gây ra áp lực trả nợ cho Công ty.
- Chi phí mở rộng mạng lưới cấp nước khá tốn kém do phát sinh của chi phí bồi thường, đầu tư hệ thống cấp nước.
- Việc cho các cơ sở sản xuất, một số doanh nghiệp được tự khoan giếng ngầm đã làm giảm sút sản lượng tiêu thụ, ảnh hưởng tới nguồn nước ngầm dự trữ, làm gián tiếp ảnh hưởng tới nguồn nước của nhà máy, ảnh hưởng tới môi trường nước.
- Nhà nước đang từng bước chuyển sang cơ chế đấu thầu đối với hoạt động vệ sinh môi trường. Do đó tình trạng cạnh tranh trong hoạt động kinh doanh của DOWACO sẽ có thể xảy ra trong thời gian tới.



Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018

ĐVT: Triệu đồng

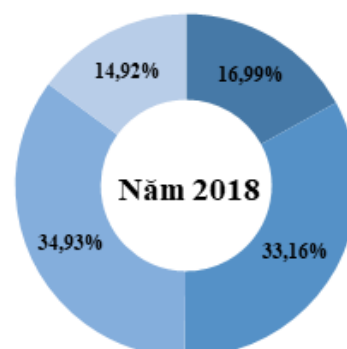
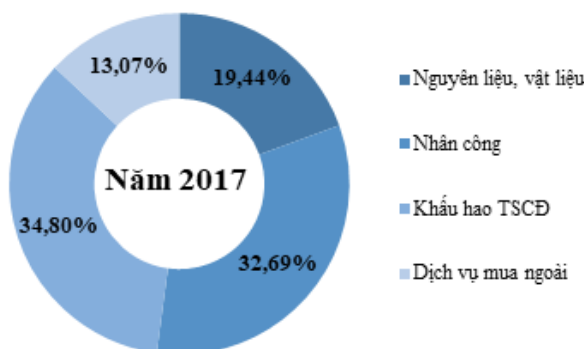
Chỉ tiêu	TH 2017	TH 2018	% tăng/ giảm
Doanh thu thuần	954.970	1.011.370	5,91%
Lợi nhuận trước thuế	54.361	150.535	176,92%
Lợi nhuận sau thuế	43.760	127.088	190,42%

Nhìn chung năm 2018, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tiếp tục ổn định và tăng trưởng. Sản lượng nước sạch tăng, doanh thu tăng 5,91% so với năm 2017. Lợi nhuận trước thuế và sau thuế tăng vượt bậc so với năm trước nguyên nhân chủ yếu do chi phí giảm. Trong đó, chi phí tài chính giảm nhiều nhất nguyên nhân từ giảm khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, giảm gần 84 tỷ đồng so với năm 2017; năm qua chi phí bán hàng cũng giảm đáng kể, giảm 12,38% so với năm 2017, nguyên nhân chủ yếu do giảm chi phí nhân viên từ 41 tỷ đồng còn 19 tỷ đồng. Tuy nhiên, thực chất chi phí sản xuất kinh doanh tăng 4,58% so với cùng kỳ năm 2017, tăng từ 755 tỷ đồng lên 790 tỷ đồng, trong đó chi phí khấu hao, dịch vụ mua ngoài và chi phí khác mua ngoài tăng tương đối lần lượt là 2,3%, 16,38% và 11,92%; chi phí khấu hao TSCĐ chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu chi phí sản xuất kinh doanh, chiếm hơn 34% do năm nay DOWACO đã hoàn thành nhiều dự án trong năm.

Điều này cho thấy rằng, tuy lợi nhuận của Công ty năm nay tăng cao nhưng vẫn ẩn chứa nhiều rủi ro do chủ yếu do khoản chi phí tài chính giảm vượt bậc. Bên cạnh đó, trong năm 2018 DNW đã đạt được những kết quả đáng khích lệ như: Tỷ lệ thất thoát nước giảm 20,7%; cung cấp nước sạch an toàn, chất lượng và liên tục; khẩn trương thực hiện dịch vụ thoát nước theo yêu cầu của Chủ đầu tư; Nộp thuế và đóng bảo hiểm cho người lao động đúng đủ; kịp thời triển khai các công trình cải tạo và mở rộng mạng lưới cấp nước theo kế hoạch năm; không ngừng cải tiến công tác quản lý điều hành tại đơn vị về thể chế, mạnh dạn sắp xếp bố trí lại cán bộ công nhân viên; công tác quản lý khách hàng không ngừng được nâng cao, qua đó phát hiện và xử lý một số trường hợp vi phạm hợp đồng sử dụng nước. Với sự nỗ lực Lãnh đạo công ty trong năm qua, Công ty đã có một năm kinh doanh thành công khi lượng khách hàng gia tăng, nhiều dự án được hoàn thành giúp Công ty mở rộng và phát triển hơn trong tương lai.

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chi phí	Năm 2017	Năm 2018	% tăng/giảm
1	Nguyên liệu, vật liệu	107.857	96.064	10,93%
2	Nhân công	181.382	187.542	3,39%
3	Khấu hao TSCĐ	193.075	197.510	2,30%
4	Dịch vụ mua ngoài	72.495	84.370	16,38%
5	Chi phí khác mua ngoài	200.467	224.353	11,92%
Tổng cộng		755.276	789.839	4,58%



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

ĐVT: Triệu đồng

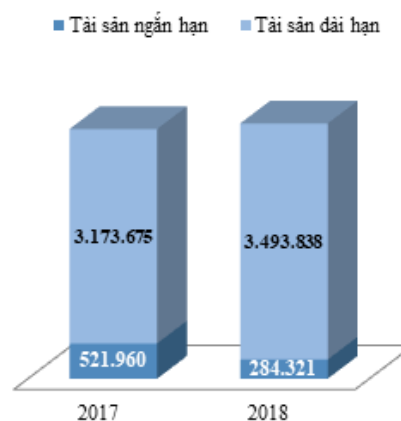
Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% tăng/ giảm	Tỷ trọng năm 2017	Tỷ trọng năm 2018
Tài sản ngắn hạn	521.960	284.321	-45,53%	14,12%	7,53%
Tài sản dài hạn	3.173.675	3.493.838	10,09%	85,88%	92,47%
Tổng tài sản	3.695.636	3.778.159	2,23%	100,00%	100,00%

Tình hình tài chính trong năm 2018 của DNW cho thấy trong hơn 3.778 tỷ đồng của tổng tài sản Công ty, tài sản dài hạn chiếm tỷ trọng lớn với 92,47% và 7,53% còn lại là tài sản ngắn hạn. Tuy nhiên so với năm 2017, tài sản ngắn hạn giảm 45,53% nguyên nhân dẫn đến kết quả này là do lượng tiền và tương đương tiền của DNW trong năm sụt giảm so với năm trước dùng phục vụ hoạt động kinh doanh. Ngoài ra, trong năm 2018 khoản phải trả trước cho người bán giảm 65,82%, tương đương với hơn 128 tỷ đồng chủ yếu giảm từ khoản trả trước cho Công ty Kumho Industrial đã tác động đến khoản phải thu đáng kể cũng là một trong những yếu tố tạo nên sự biến động về tài sản ngắn hạn như đã đề cập. Tài sản dài hạn tăng 10,09%, chủ yếu do mua thêm các thiết bị dụng cụ quản lý và hoàn thành các dự án đầu tư xây dựng cơ bản làm gia tăng đáng kể tài sản cố định hữu hình. Cụ thể, trong năm 2018, tài sản cố định tăng từ 2.222 tỷ đồng lên 2.889 tỷ đồng, tương ứng tăng 30,01% tương đương mức tăng hơn 666 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2017. Nguyên nhân TSCĐ tăng do các dự án hoàn thành đưa vào sử dụng nên chi phí sản xuất xây dựng dở dang giảm 63,47% so với

cùng kỳ năm 2017, đó là lý do tài sản dài hạn không tăng nhiều mặc dù TSCĐ tăng cao trong năm qua.

Với việc gia tăng cả giá trị lẫn tỷ trọng của tài sản dài hạn cho thấy định hướng phát triển của DOWACO phù hợp với đặc điểm chung của ngành cấp thoát nước. Công ty đang tập trung vào phát triển các hoạt động sản xuất kinh doanh cốt lõi, đem lại sự phát triển bền vững cho Công ty và lợi ích tối đa cho cổ đông.

Cơ cấu Tài sản (Triệu đồng)



ĐVT: Đồng

Tài sản cố định hữu hình	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Nhà cửa, vật kiến trúc	922.718.882.846	547.207.628.000	59,30%
Máy móc thiết bị	1.086.258.074.433	623.216.874.203	57,37%
Phương tiện vận tải	2.524.562.815.265	1.698.929.800.637	67,30%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	51.421.372.045	15.990.537.256	31,10%
TSCĐ khác	7.743.678.248	3.276.976.425	42,32%
Cộng	4.592.704.822.837	2.888.621.816.521	62,90%
Tài sản cố định vô hình	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Quyền sử dụng đất và chi phí bồi thường	351.220.122.175	318.969.832.055	90,82%
Quy hoạch bản đồ	2.814.843.027	1.228.002.094	43,63%
Phần mềm máy tính	2.196.048.088	1.175.906.145	53,55%
Cộng	356.231.013.290	321.373.740.294	90,21%



Tình hình nợ phải trả

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% tăng/ giảm	Tỷ trọng năm 2017	Tỷ trọng năm 2018
Nợ ngắn hạn	641.808	610.456	-4,88%	26,71%	25,27%
Nợ dài hạn	1.761.232	1.805.644	2,52%	73,29%	74,73%
Tổng nợ phải trả	2.403.040	2.416.100	0,54%	100,00%	100,00%

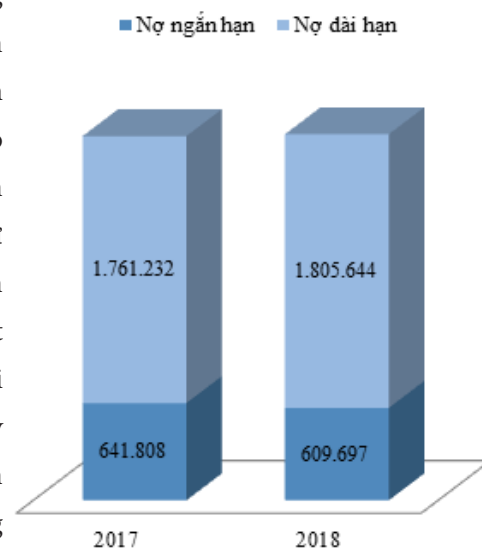
Như đã trình bày ở những phần trên, trong năm 2018 DNW đã gia tăng việc vay nợ trong cơ cấu nguồn vốn của mình nhằm tài trợ cho việc mở rộng mạng lưới cấp nước, đầu tư, nâng cấp hệ thống cấp thoát nước, phương tiện vận tải và công cụ dụng cụ, đáp ứng nhu cầu phát triển lượng khách hàng và nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ của Công ty. Cụ thể, tổng nợ năm 2018 đạt 2.416 tỷ đồng, tăng 0,54% so với năm 2017, trong đó nợ ngắn hạn đạt 610 tỷ đồng, chiếm 25,27% trong tổng nợ; nợ dài hạn đạt gần 1.806 tỷ đồng, chiếm 74,73% trong tổng nợ.



Nợ ngắn hạn giảm 4,88% do vay ngắn hạn giảm 8,48% và phải trả lao động giảm 25,11% so với cùng kỳ năm 2017. Vay ngắn hạn giảm do Công ty trogn năm đã trả nợ cho ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai từ 164 tỷ đồng còn 90 tỷ đồng, đây là khoản vay có đảm bảo tài sản của Công ty. Ngoài ra, Công ty còn vay khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam là gần 36 tỷ nhằm đầu tư vào TSCĐ trong năm qua. Đối với nợ dài hạn tăng 2,52% do vay nợ dài hạn tăng từ 1.522 tỷ đồng lên 1.764 tỷ đồng, chủ yếu Công ty vay từ nguồn vốn ODA từ Nhật Bản và Hàn Quốc tại ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai với mức lãi suất thấp từ 1,3% - 3,53%/ năm và đây cũng là khoản vay chiếm tỷ trọng lớn nhất trong khoản nợ dài hạn của Công ty, chiếm 78,36%, tương ứng hơn 1.382 tỷ đồng. Mặc dù, DOWACO vay nợ nhiều nhưng vẫn đảm bảo trả nợ đúng hạn và giữ vững uy tín với các chủ thể tài chính, trong năm Công ty đã trả các khoản nợ dài hạn từ 505 tỷ đồng xuống còn 463 tỷ đồng.

Những yếu tố kể trên đã cho thấy Công ty đang hoạt động giúp giảm áp lực về lãi vay. Công ty đang sử dụng hiệu quả đòn bẩy tài chính nhằm mở rộng quy mô, phát triển toàn diện trong tương lai, đem đến lợi ích tốt nhất cho các cổ đông của Công ty.

Cơ cấu Nợ (Triệu đồng)



Tình hình lưu chuyển tiền tệ

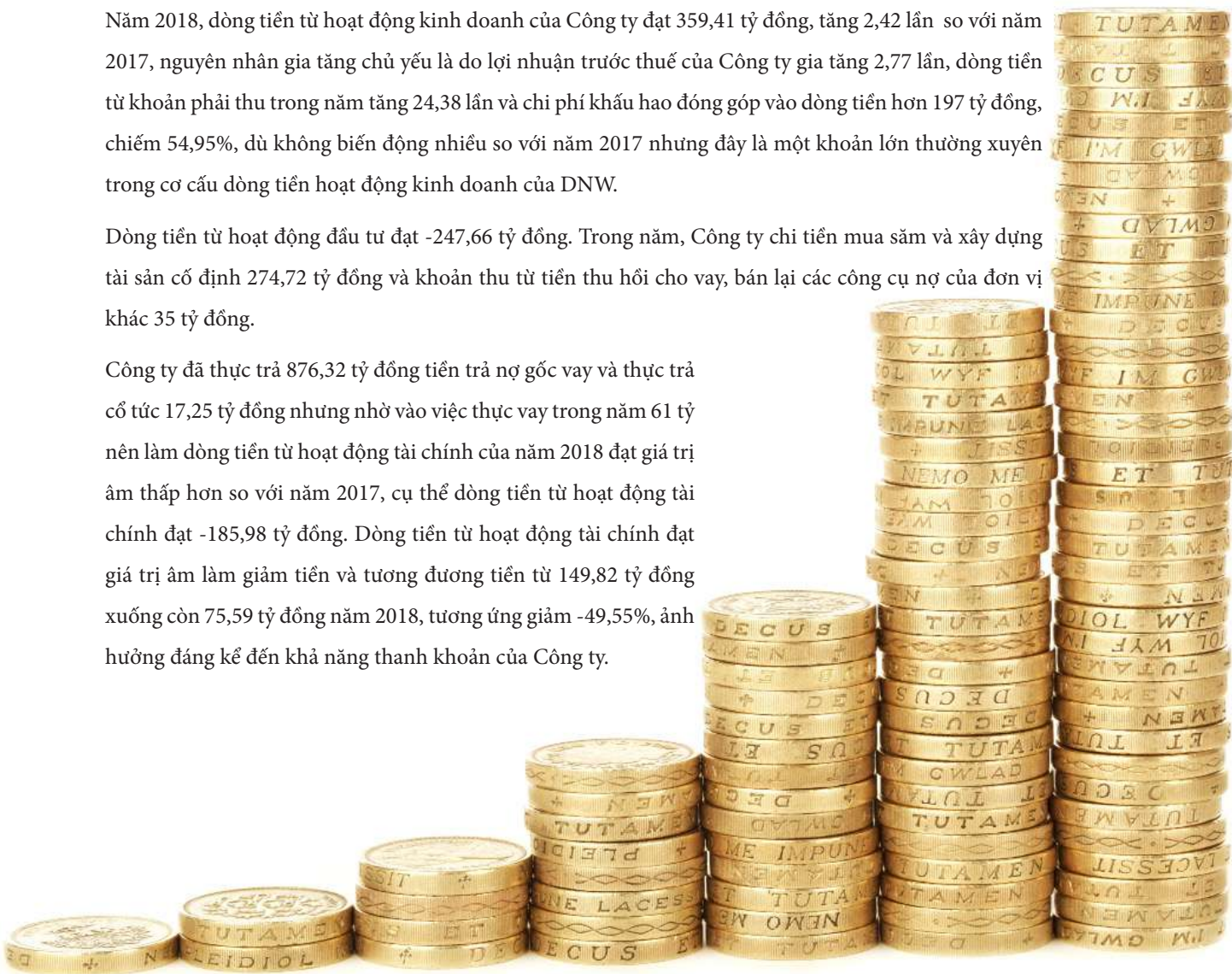
DVT: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018
1	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	148.588.844.222	359.408.774.519
2	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	-212.056.613.665	-247.660.520.101
3	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	43.656.172.857	-185.980.884.545
Tổng cộng		-19.811.596.586	-74.232.630.127

Năm 2018, dòng tiền từ hoạt động kinh doanh của Công ty đạt 359,41 tỷ đồng, tăng 2,42 lần so với năm 2017, nguyên nhân gia tăng chủ yếu là do lợi nhuận trước thuế của Công ty gia tăng 2,77 lần, dòng tiền từ khoản phải thu trong năm tăng 24,38 lần và chi phí khấu hao đóng góp vào dòng tiền hơn 197 tỷ đồng, chiếm 54,95%, dù không biến động nhiều so với năm 2017 nhưng đây là một khoản lớn thường xuyên trong cơ cấu dòng tiền hoạt động kinh doanh của DNW.

Dòng tiền từ hoạt động đầu tư đạt -247,66 tỷ đồng. Trong năm, Công ty chi tiền mua sắm và xây dựng tài sản cố định 274,72 tỷ đồng và khoản thu từ tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác 35 tỷ đồng.

Công ty đã thực trả 876,32 tỷ đồng tiền trả nợ gốc vay và thực trả cổ tức 17,25 tỷ đồng nhưng nhờ vào việc thực vay trong năm 61 tỷ nên làm dòng tiền từ hoạt động tài chính của năm 2018 đạt giá trị âm thấp hơn so với năm 2017, cụ thể dòng tiền từ hoạt động tài chính đạt -185,98 tỷ đồng. Dòng tiền từ hoạt động tài chính đạt giá trị âm làm giảm tiền và tương đương tiền từ 149,82 tỷ đồng xuống còn 75,59 tỷ đồng năm 2018, tương ứng giảm -49,55%, ảnh hưởng đáng kể đến khả năng thanh khoản của Công ty.



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

- Đưa vào vận hành Dự án HTCN Thiện Tâm giai đoạn 2, công suất 100.000m³/ngày. Tuy nhiên bộ máy nhân sự và lao động không tăng so với năm 2017.
- Công ty đã chỉ đạo các đơn vị sản xuất trực tiếp triển khai thực hiện công tác khoán điện năng, hóa chất, phân phối quỹ lương theo định biên lao động, bước đầu đã mang lại hiệu quả, góp phần tăng năng suất lao động và nâng cao thu nhập cho người lao động.
- Trong năm 2018 đã phát triển được 19.118 khách hàng sử dụng nước nâng tổng số khách hàng toàn Công ty lên 210.894 khách hàng.



- Chi nhánh Quản lý ghi thu đã thường xuyên cập nhật các ứng dụng công nghệ trong công tác quản lý, chăm sóc khách hàng góp phần nâng cao năng suất lao động, điều chỉnh, hoàn thiện quy trình ghi thu, giải quyết kịp thời các thắc mắc, khiếu nại của khách hàng. Việc thu tiền qua các kênh nhờ thu đã đạt 95%, thu tại quầy 4,5%, thu tại nhà chiếm 0,5%; kiểm soát được dòng tiền thu tại mỗi thời điểm...
- Đã tiến hành thay thế hơn 20.000 đồng hồ sử dụng trên 5 năm, triển khai phân vùng tách mạng để kiểm soát và đề ra các giải pháp hạ tỷ lệ thất thoát nước.
- Tiếp tục thực hiện hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017. Chất lượng nước sạch do Công ty cung cấp đảm bảo các tiêu chuẩn của Bộ Y tế.



Phân tích SWOT



- Là doanh nghiệp có uy tín và vị thế trên thị trường, Công ty là doanh nghiệp có sản lượng cấp nước đứng thứ 3 toàn quốc. Dowaco chiếm thị phần cấp nước lớn nhất tại Đồng Nai.



- Nhu cầu nước sạch của các khách hàng ngày càng tăng. Sản phẩm của doanh nghiệp đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia, được người tiêu dùng chấp thuận.
- Có nhiều năm kinh nghiệm trong hoạt động sản xuất kinh doanh nước máy.



- Nhân lực có trình độ tay nghề và chuyên môn kỹ thuật trong sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng.
- Có khách hàng truyền thống.
- Có hệ thống phân phối tốt.



THẾ MẠNH

S

W



ĐIỂM YẾU



- Chất lượng đường ống cấp nước còn nhiều khu vực kém chưa được thay thế.
- Quản lý hệ thống chưa chặt chẽ nên tỉ lệ thất thoát nước còn cao.

- Cơ chế giá bán nước máy chưa linh hoạt. Giá bán nước máy do các cấp có thẩm quyền ở địa phương thẩm định phê duyệt, khi chi phí SXKD tăng cao giá bán nước máy chưa được điều chỉnh kịp thời sẽ ảnh hưởng tới hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

- Chưa được áp dụng công nghệ thông tin hiện đại quản lý hệ thống cấp nước của doanh nghiệp địa bàn rộng lớn.
- Có bộ phận trong doanh nghiệp nhân lực còn nhiều, sắp xếp chưa hợp lý.



- Nhiều thiết bị sản xuất nước còn tiêu tốn nhiều điện năng.
- Thiếu vốn trong đầu tư mở rộng phát triển mạng lưới cấp nước.



- Tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam tương đối ổn định. Đồng Nai là khu vực kinh tế trọng điểm phía Nam có nhiều khu dân cư, khu CN, và khu kinh tế thương mại đang được hình thành và phát triển cùng với đó là hạ tầng kỹ thuật cấp nước cũng được phát triển theo.



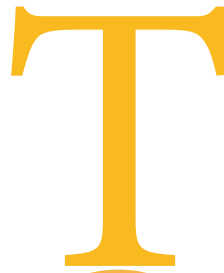
- Nhu cầu thị trường ngày càng tăng và ổn định.
- Môi trường chính trị xã hội ổn định.



- Được sự quan tâm của UBND tỉnh Đồng Nai đối với những công trình cấp nước dân sinh và cấp nước cho các khu kinh tế, khu công nghiệp của tỉnh. UBND tỉnh Đồng Nai đã phê duyệt qui hoạch cấp nước của Công ty đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2050 phù hợp với tốc độ đô thị hóa và phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.



CƠ HỘI



THÁCH THỨC



- Nguồn nước mặt ngày càng bị ô nhiễm, nguồn nước ngầm ngày càng bị cạn kiệt.
- Đường ống lâu năm dễ bị xì bể hư hỏng.
- Thất thoát nước có thể tăng cao.



- Nguy cơ nợ quá hạn và sự biến động thị trường tiền tệ trong nước và quốc tế làm tỉ giá ngoại tệ tăng cao dẫn đến chênh lệch tỉ giá đối với khoản nợ vay nước ngoài.



- Khó khăn trong công tác đền bù giải tỏa để làm dự án cấp nước.
- Nguy cơ các hộ dân tái lấn chiếm đất trên các tuyến ống cấp nước.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019

ĐVT: triệu đồng

STT	Các chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2019
1	Tổng doanh thu	920.000
2	Lợi nhuận trước thuế	165.000
3	Lợi nhuận sau thuế	134.000
4	Nộp ngân sách	50.000
5	Đầu tư xây dựng cơ bản	80.000



Biện pháp triển khai thực hiện

- Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho CBCNV và người lao động bằng nhiều hình thức. Tổ chức tốt việc học tập, quán triệt và thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, các quy định của Công ty.
- Triển khai có hiệu quả, thiết thực việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Tổ chức các hoạt động làm theo gương Bác trong toàn Công ty, nhân rộng các tấm gương điển hình tại Công ty bằng nhiều hình thức để mọi người cùng học tập, đi vào thực tiễn cuộc sống, tạo sự lan tỏa trong toàn thể CBCNV Công ty.
- Nâng cao năng lực cán bộ quản lý, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ kế cận. Tập trung đào tạo về lý luận chính trị và các chuyên ngành cấp nước, phát triển nguồn nhân lực tại chỗ, bồi dưỡng cán bộ trẻ có năng lực.
- Nâng cao chất lượng dịch vụ của Công ty; tăng cường các biện pháp giáo dục ý thức trách nhiệm, nâng cao năng lực của nhân viên quản lý khách hàng sử dụng nước. Nâng cao hiệu quả quản lý, kiểm tra, giám sát trong xây dựng hệ thống cấp nước và quản lý ghi chỉ số đồng hồ; tiếp tục thay thế đồng hồ nước đã sử dụng trên 5 năm còn lại của năm 2018 chuyển qua; áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý mạng lưới...
- Triển khai thực hiện các dự án khác trong năm 2019 nhằm đảm bảo phát huy tối đa công suất cấp nước của dự án HTCN Thiện Tân (giai đoạn 2) góp phần tăng doanh thu, chiếm lĩnh được thị trường đồng thời giảm áp lực cạnh tranh từ các nhà đầu tư khác.
- Tăng cường phát triển khách hàng các khu vực do Nhà máy nước Vĩnh Cửu 15.000m³/ngày và dự án Hệ thống cấp nước Thiện Tân (giai đoạn 2) cung cấp. Triển khai thực hiện các giải pháp tăng công suất phục vụ nhu cầu sử dụng nước trong mùa khô.
- Tiếp tục phối hợp với các cơ quan chức năng, UBND thành phố Biên Hòa, các huyện, phường, xã có dự án xây dựng nhà máy và hệ thống cấp nước đi qua để xử lý các trường hợp vi phạm hành lang bảo vệ các tuyến ống.





- Rà soát, tăng cường triển khai các biện pháp để giảm tỷ lệ thất thoát nước, tiếp tục phân vùng tuyến nội ô do nhà máy nước Biên Hòa cung cấp để xác định rõ tỷ lệ thất thoát nước trên địa bàn thành phố Biên Hòa. Chỉ đạo kiểm tra, giám sát việc thực hiện khoán chi phí, phân phối quỹ tiền lương tại các chi nhánh sản xuất.
- Các Công ty Cổ phần, các chi nhánh trực thuộc, phòng, ban, bộ phận nghiệp vụ cần tập trung phát triển khách hàng, đầu tư mở mạng lưới cấp nước, nâng cao năng lực quản lý hệ thống cấp nước. Đề ra các biện pháp thi công và quản lý để đạt tiến độ, chất lượng công trình.
- Các Công ty Cổ phần trực thuộc bảo đảm sản xuất - kinh doanh có hiệu quả, xây dựng và thực hiện các giải pháp để phấn đấu đạt các chỉ tiêu kế hoạch năm 2019.
- Tiếp tục triển khai phát động phong trào thi đua trong vận hành các nhà máy nước, trong công tác quản lý ở từng bộ phận. Thực hiện tốt công tác thi đua khen thưởng nhằm động viên, khuyến khích người lao động phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, nâng cao năng suất chất lượng, hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Nâng cao chất lượng dịch vụ của Công ty, tiếp tục cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng các giải pháp công nghệ thông tin trong việc thực hiện quản lý mạng lưới cấp nước và giảm thiểu các thủ tục hành chính và thời gian cho khách hàng.
- Ban Bảo vệ, các phòng ban, đơn vị, chi nhánh trực thuộc tăng cường việc giám sát, thực hiện nghiêm túc lịch trực lãnh đạo, bảo vệ, vận hành, sửa chữa đảm bảo tuyệt đối an ninh nguồn nước, bảo vệ tài sản. Đề cao cảnh giác và trách nhiệm trong việc thực thi nhiệm vụ, có phương án xử lý các tình huống xảy ra (nếu có). Thường xuyên nhắc nhở ý thức tuân thủ nội quy làm việc tại Công ty cho CBCNV.
- Tiếp tục thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng, củng cố đội ngũ lãnh đạo quản lý để không ngừng nâng cao năng lực quản lý; bổ sung cán bộ trẻ tham gia quản lý điều hành doanh nghiệp. Tạo điều kiện cho người lao động học tập, nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Trong năm qua, Công ty đã thực hiện tốt các quy định về xử lý chất thải và bảo vệ môi trường, vận động các cán bộ công nhân viên thực hiện dọn vệ sinh nơi làm việc, tạo môi trường làm việc trong lành, làm nên một nếp sống văn minh trong mỗi cá nhân người lao động. DOWACO cũng sử dụng hợp lý nguồn năng lượng và nước phục vụ trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, nâng cao tinh thần tiết kiệm cho toàn bộ CBCNV nhằm tối thiểu chi phí cho Công ty.



Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Công ty đã và đang tạo được việc làm ổn định cho người lao động, luôn tuân thủ thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật, duy trì đều đặn các chính sách phúc lợi hàng năm, tạo điều kiện để người lao động thể hiện năng lực, được học hỏi nâng cao kiến thức chuyên môn. Kết quả đạt được cho thấy cán bộ công nhân viên có năng lực nghiệp vụ chuyên ngành phù hợp, với mục tiêu chính là xây dựng công ty ngày càng phát triển vững mạnh, tăng cường hiệu quả đầu tư của các cổ đông, nâng cao đời sống cán bộ, công nhân viên, đóng góp ngày càng nhiều vào ngân sách nhà nước. Mặt khác, thu nhập của người lao động trong những năm gần đây liên tục có sự cải thiện cũng góp phần tạo nên những điểm sáng về kết quả thực hiện mục tiêu đối với những người đã luôn gắn bó với Công ty vì mục tiêu phát triển chung.

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Trong năm 2018, Công ty tiếp tục thực hiện các hoạt động xã hội từ thiện vì cộng đồng như: Tham gia chương trình “Vạn tấm lòng vàng”, ủng hộ quỹ “nạn nhân chất độc da cam”, ủng hộ các địa phương chăm lo cho người nghèo, ủng hộ phong trào “Toàn dân bảo vệ Tổ quốc”; trợ cấp, phụng dưỡng mẹ liệt sĩ, gia đình chính sách, con của Liệt sĩ, vận động người lao động tham gia hiến máu tình nguyện...





04



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
- Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc Công ty
- Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Kết quả sản xuất - kinh doanh năm 2018 thực hiện

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018
1	Tổng tài sản	Đồng	3.778.158.905.142
2	Nợ phải trả	Đồng	2.416.100.315.601
3	Vốn chủ sở hữu	Đồng	1.361.546.304.078
4	Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	3,40%
5	Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	9,57%
6	Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,77

Năm qua, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty đạt được nhiều thành công. Chỉ tiêu doanh thu và cả lợi nhuận không những có sự tăng trưởng mà còn hoàn thành vượt kế hoạch đề ra. Theo đó, ROA và ROE lần lượt là 3,40% và 9,57%. Năm 2018, tài sản và vốn chủ sở hữu chỉ tăng ở mức tương đối nhưng đem lại lợi nhuận tăng vượt bậc 190,42% so với cùng kỳ năm 2017. Có thể thấy được, Công ty đang hoạt động hiệu quả, sử dụng tài sản và nguồn vốn tối ưu để đạt được những kết quả thành công trong năm.

Để có được kết quả hoạt động trên, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã phải định hướng chiến lược rõ ràng đối với kế hoạch hoạt động trong năm và không ngừng triển khai các phương án theo dõi quản trị, cũng như kiểm soát chặt chẽ các yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến quá trình hoạt động kinh doanh. Qua đó, các công tác về quản lý kỹ thuật, quản lý nhân công, mua sắm máy móc thiết bị,... đều được thực hiện nhất quán, có hệ thống đạt hiệu quả cao góp phần giúp công ty hoàn thành tốt kế hoạch sản xuất năm đã được định hướng.



Đánh giá về các hoạt động của Công ty

Trong năm qua, Công ty đã cố gắng thực hiện các chỉ tiêu theo kế hoạch sản xuất kinh doanh đem lại lợi ích cho cổ đông. Công ty luôn nỗ lực xây dựng được hình ảnh, quảng bá thương hiệu của mình, được sự ủng hộ của các khách hàng truyền thống, tạo được sự tin tưởng đối với khách hàng trong và ngoài nước.

Công ty nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sâu sắc của các ban ngành và chính quyền từ Trung ương đến địa phương cũng như Tổng công ty Sonadezi đã tạo thuận lợi rất lớn, có tác động tích cực đến những kết quả trên mọi mặt hoạt động của Công ty.

Mọi hoạt động của công ty được tiến hành theo điều lệ và quy chế quản trị của Công ty. Từng bước rà soát lại và xây dựng quy chế tài chính, lao động, tuyển dụng. DOWACO luôn xác định rõ trách nhiệm, quyền hạn của ban lãnh đạo và cổ đông, tổ chức hợp lý các bộ phận kinh doanh và xây dựng chiến lược đầu tư nhằm tăng năng suất lao động, nâng cao hiệu quả SXKD của Công ty.

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018, thực hiện theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, nhằm đảm bảo lợi ích cổ đông và người lao động, Ban Giám đốc triển khai các giải pháp kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị thường xuyên theo dõi công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Giám đốc Công ty, phối hợp với Ban Kiểm soát Công ty giám sát các vấn đề:

- Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 đề ra.
- Thực hiện các Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng Quản trị đã ban hành về sản xuất kinh doanh và hoạt động của doanh nghiệp.
- Hàng quý, Ban Giám đốc Công ty lập báo cáo các chỉ tiêu tài chính gửi Hội đồng quản trị, đồng thời qua các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh đến thời điểm hiện tại cũng như phương hướng trong thời gian tới để Hội đồng quản trị xem xét, đánh giá việc thực hiện để có biện pháp chỉ đạo kịp thời; Ban Giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh đáp ứng các yêu cầu về nguồn lực cho các hoạt động của Công ty.
- Thông qua nội dung đánh giá của Ban Kiểm soát về tình hình tài chính và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Giám đốc Công ty.
- Tuân thủ và thực hiện các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật hiện hành.



CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2019 là năm có ý nghĩa rất quan trọng trong nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Với những kết quả đã đạt được qua 4 năm hoạt động, Hội đồng quản trị Công ty xác định mục tiêu phải hoàn thành đạt và vượt những chỉ tiêu kế hoạch được Tổng Công ty Sonadezi, Đại hội đồng cổ đông giao; thực hiện tốt nhiệm vụ an ninh quốc phòng, bảo đảm an ninh trật tự và an toàn nguồn nước. Qua đó, Hội đồng quản trị Công ty xác định các chỉ tiêu, kế hoạch trọng tâm như sau:

STT	Các chỉ tiêu	Đvt	Năm 2019
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	920.000
2	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Triệu đồng	165.000
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Triệu đồng	134.000
4	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn	%	12,83
5	Tổng số thuế và các khoản phát sinh phải nộp ngân sách Nhà nước	Triệu đồng	50.000
6	Tổng vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Triệu đồng	80.000
7	Cổ tức	%	8 % (Nếu loại trừ yếu tố chênh lệch tỷ giá)



Kế hoạch, nhiệm vụ về công tác quản trị

Về tổ chức bộ máy:

- Sắp xếp tổ chức bộ máy, kiện toàn các phòng, ban, đội chi nhánh trực thuộc để tăng cường chức năng tham mưu, quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, phạm vi cung cấp nước và quy mô phát triển của Công ty.
- Thực hiện bồi dưỡng, đánh giá, sắp xếp đội ngũ cán bộ là người quản lý, người đại diện phần vốn, người lao động để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, bổ sung lực lượng kế cận cho công tác quản lý, điều hành doanh nghiệp.

Về triển khai thực hiện các dự án:

- Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ thực hiện, tiến độ giải ngân, thanh quyết toán các dự án cấp nước sử dụng vốn vay thương mại và vốn của Công ty; tập trung giải quyết các khó khăn đã gặp phải trong công tác đền bù giải phóng mặt bằng, chuẩn bị các nguồn vốn đầu tư.
- Triển khai thực hiện các dự án mở rộng mạng lưới cấp nước nhằm đảm bảo phát huy tối đa công suất cấp nước của dự án HTCN Thiện Tân (giai đoạn 2) góp phần tăng doanh thu, phát triển khách hàng.
- Tiếp tục phối hợp với các cơ quan chức năng, UBND thành phố Biên Hòa, các huyện, phường xã có nhà máy và hệ thống cấp nước của Công ty để đầu tư hệ thống mạng lưới; sử dụng các nguồn vốn đầu tư tiết kiệm, hiệu quả để mang lại lợi ích thiết thực cho Công ty, cho cổ đông, đồng thời góp phần phục vụ nhu cầu của khách hàng vùng ven đô thị.
- Tranh thủ các nguồn vốn, các chính sách ưu đãi đầu tư từ ngân sách, từ vốn do khách hàng đóng góp để triển khai thực hiện có hiệu quả các dự án đầu tư hệ thống cấp nước trên địa bàn huyện.

Về điều hành quản lý sản xuất:

- Tiếp tục thực hiện việc khoán chi phí trong quản lý, điều hành tại các chi nhánh trực thuộc.
- Tăng cường áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý vận hành nhà máy, quản lý hệ thống kỹ thuật hạ tầng, quản lý thủy lực, quản lý mạng nhằm góp phần hạ tỷ lệ thất thoát nước.
- Tăng cường công tác nâng công suất nhà máy sản xuất nước.
- Tiếp tục thực hiện công tác quản lý đồng hồ nước để thay thế định kỳ khi đến hạn; sửa chữa, thay thế đồng hồ nước hư hỏng, ngưng chạy, chạy bất thường.

Về quản lý khách hàng và cải tiến thủ tục hành chính:

- Tiếp tục cải tiến quy trình giải quyết công việc giữa các phòng, ban, đội; xây dựng và thực hiện kiểm tra giám sát, hoàn thiện các quy trình giải quyết các dịch vụ khách hàng nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ trong toàn Công ty, tránh phiền hà cho người dân.
- Tiếp tục tăng cường phát triển khách hàng và ứng dụng công nghệ thông tin trong việc quản lý khách hàng.
- Tiếp tục phát triển các kênh nhờ thu đa dạng, để khách hàng thuận tiện cho việc thanh toán tiền nước.





05





QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Danh sách thành viên Hội đồng quản trị
- Các cuộc họp của Hội đồng quản trị
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT,
Ban Giám đốc



DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(tại ngày 11/03/2019)

STT	Thành viên	Chức vụ
1	Ông Vũ Văn Học	Chủ tịch
2	Ông Phan Hùng	Thành viên
3	Ông Nguyễn Xuân Thịnh	Thành viên
4	Ông Nguyễn Văn Bình	Thành viên
5	Ông Lê Duy Diệp	Thành viên
6	Ông Nguyễn Văn Thiện	Thành viên
7	Ông Võ Văn Bình	Thành viên

CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Ông Vũ Văn Học	Chủ tịch	6/6	100%
2	Ông Phan Hùng	Thành viên	6/6	100%
3	Ông Nguyễn Xuân Thịnh	Thành viên	6/6	100%
4	Ông Nguyễn Văn Bình	Thành viên	6/6	100%
5	Ông Lê Duy Diệp	Thành viên	6/6	100%
6	Ông Nguyễn Văn Thiến	Thành viên	6/6	100%
7	Ông Võ Văn Bình	Thành viên	6/6	100%



Trong năm, HĐQT đã đưa ra các quyết định, nghị quyết:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-HĐQT	26/01/2018	Nghị quyết HĐQT V/v thông qua việc thực hiện nhiệm vụ SXKD và xây dựng cơ bản năm 2017, thông qua phương hướng giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2018.
2	02/NQ-HĐQT	09/4/2018	Nghị quyết HĐQT V/v tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.
3	03/NQ-HĐQT	09/4/2018	Nghị quyết HĐQT V/v tăng vốn điều lệ của Công ty cổ phần Dịch vụ và xây dựng cấp nước Đồng Nai.
4	04/NQ-HĐQT	12/4/2018	Nghị quyết HĐQT V/v điều động, luân chuyển Người đại diện phần vốn và tham gia ứng cử Ban quản lý điều hành tại các Công ty con và Công ty liên kết, nhiệm kỳ 2018-2023.
5	06/NQ-HĐQT	10/8/2018	Nghị quyết HĐQT V/v thông qua việc thực hiện nhiệm vụ SXKD 6 tháng đầu năm 2018, thông qua kế hoạch thực hiện 6 tháng cuối năm 2018.
6	07/NQ-HĐQT	25/10/2018	Nghị quyết HĐQT V/v thông qua việc thực hiện nhiệm vụ SXKD 9 tháng đầu năm 2018, thông qua kế hoạch thực hiện 3 tháng cuối năm 2018.
7	08/NQ-HĐQT	22/11/2018	Nghị quyết HĐQT V/v thông qua việc điều chỉnh giá bán nước qua đồng hồ tổng cho Công ty cổ phần cấp nước Nhơn Trạch.
8	01/QĐ-HĐQT	02/01/2018	Quyết định V/v khen thưởng các tập thể và cá nhân các Công ty con, Công ty liên kết trực thuộc Công ty cổ phần Cấp nước Đồng Nai được tặng giấy khen “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2017”.
9	02/QĐ-HĐQT	02/01/2018	Quyết định V/v khen thưởng các tập thể và cá nhân các Công ty con, Công ty liên kết trực thuộc Công ty cổ phần Cấp nước Đồng Nai đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở” năm 2017.
10	08/QĐ-HĐQT	16/3/2018	Quyết định V/v quyết toán Quỹ tiền lương thực hiện của người quản lý và quỹ tiền lương thực hiện của người lao động năm 2017.
11	09/QĐ-HĐQT	16/3/2018	Quyết định V/v phê duyệt Quỹ tiền lương kế hoạch của người lao động và Quỹ tiền lương, quỹ thù lao kế hoạch của người quản lý năm 2018.
12	12/QĐ-HĐQT	09/4/2018	Quyết định thành lập Ban thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.
13	13/QĐ-HĐQT	12/4/2018	Quyết định V/v cử nhân sự làm Người đại diện phần vốn của Công ty cổ phần Cấp nước Đồng Nai tại Công ty cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch, nhiệm kỳ 2018-2023.
14	14/QĐ-HĐQT	12/4/2018	Quyết định V/v cử nhân sự làm Người đại diện phần vốn của Công ty cổ phần Cấp nước Đồng Nai tại Công ty cổ phần Cấp nước Long Khánh, nhiệm kỳ 2018-2023.

15	15/QĐ-HĐQT	12/4/2018	Quyết định V/v cử nhân sự làm Người đại diện phần vốn của Công ty cổ phần Cấp nước Đồng Nai tại Công ty cổ phần Dịch vụ và Xây dựng cấp nước Đồng Nai, nhiệm kỳ 2018-2023.
16	16/QĐ-HĐQT	26/4/2018	Quyết định V/v chi trả tiền lương Người quản lý, điều hành Công ty năm 2018.
17	20/QĐ-HĐQT	22/5/2018	Quyết định V/v chi tiền thưởng Người quản lý điều hành Công ty.
18	23/QĐ-HĐQT	25/6/2018	Quyết định V/v ban hành Quy chế tiền lương, thù lao và tiền thưởng Công ty cổ phần Cấp nước Đồng Nai.
19	26/QĐ-HĐQT	26/6/2018	Quyết định V/v ban hành Quy chế quản lý tài chính của Công ty.
20	27/QĐ-HĐQT	27/6/2018	Quyết định V/v ban hành Quy chế quản lý nợ của Công ty.
21	44/QĐ-HĐQT	15/11/2018	Quyết định V/v củng cố và kiện toàn Hội đồng thi đua khen thưởng.
22	45/QĐ-HĐQT	16/11/2018	Quyết định V/v kiện toàn Hội đồng tư vấn của Công ty.
23	47/QĐ-HĐQT	26/12/2018	Quyết định V/v công nhận danh hiệu thi đua cấp cơ sở năm 2018 đối với tập thể, cá nhân các Công ty con, Công ty liên kết thuộc Công ty CP Cấp nước Đồng Nai.

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Không có.

Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Chưa lập các tiểu ban thuộc HĐQT.



BAN KIỂM SOÁT

Danh sách thành viên Ban Kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ
1	Phạm Thị Hồng	Trưởng ban
2	Phan Thùy Đoan	Thành viên
3	Tăng Tố Vân	Thành viên

Hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Phạm Thị Hồng	Trưởng ban	3/3	100%
2	Phan Thùy Đoan	Thành viên	3/3	100%
3	Tăng Tố Vân	Thành viên	3/3	100%

Trong năm 2018 Ban Kiểm soát đã tiến hành các cuộc giám sát cụ thể như sau:

- Giám sát tình hình hoạt động của Công ty, đánh giá sự tuân thủ pháp luật đối với các hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong năm 2017 nhằm phục vụ cho việc tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty đã được tổ chức vào tháng 4/2018 theo đúng trình tự và quy định.
- Giám sát tình hình hoạt động quý I/2018 của Công ty.
- Kiểm tra tình hình sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2018.
- Kiểm tra tình hình thực hiện nhiệm vụ đại diện vốn của Công ty tại Công ty cổ phần Cấp nước Long Khánh, Công ty cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch.
- Giám sát tình hình sản xuất kinh doanh quý III/2018.
- Kiểm tra chuyên đề về cải tạo, sửa chữa tài sản cố định 9 tháng đầu năm 2018.
- Nhìn chung hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc trong năm 2018 được tiến hành một cách cẩn trọng đảm bảo các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra.
- Đối với cổ đông của Công ty trong thời gian qua Ban Kiểm soát chưa nhận được yêu cầu kiểm tra từ phía cổ đông.



Sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

- Ban Kiểm soát tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị, các cuộc họp sơ kết tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty nhờ đó nắm bắt kịp thời tình hình sản xuất kinh doanh, tham gia ý kiến trong công tác lãnh đạo điều hành hoạt động của Công ty nhằm mục tiêu hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 do Đại hội đồng cổ đông thường niên đã thông qua.
- Phối hợp trực tiếp với bộ phận tài chính kế toán trong việc rà soát các quy định pháp lý phục vụ cho việc ghi chép, lập các báo cáo tài chính một cách thận trọng và tuân thủ các quy định hiện hành.
- Trong việc triển khai kế hoạch của Ban Kiểm soát năm 2018 Ban kiểm soát nhận được sự phối hợp nghiêm túc, cung cấp hồ sơ đầy đủ kịp thời của các bộ phận quản lý có liên quan.

Hoạt động khác của Ban Kiểm soát

Trong năm 2018 Ban Kiểm soát đã tiến hành 03 cuộc họp cho các nội dung:

- Thông qua kết quả kiểm tra năm 2017.
- Xây dựng kế hoạch hoạt động năm 2018.
- Thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.
- Thông qua kết quả kiểm tra 6 tháng năm 2018.

Các thành viên Ban Kiểm soát tham gia đầy đủ các buổi làm việc theo đúng nhiệm vụ đã được phân công.



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

ĐVT: Đồng

STT	Họ và tên	Lương	Thù lao	Thưởng
1	Hội đồng quản trị	4.303.993.543	540.000.000	483.000.000
	Ông Vũ Văn Học	1.052.043.161		94.200.000
	Ông Phan Hùng	975.962.861	90.000.000	92.200.000
	Ông Nguyễn Xuân Thịnh	758.662.507	90.000.000	72.200.000
	Ông Nguyễn Văn Bính	758.662.507	90.000.000	72.200.000
	Ông Lê Duy Diệp	758.662.507	90.000.000	72.200.000
	Ông Nguyễn Văn Thiển		90.000.000	40.000.000
	Ông Võ Văn Bình		90.000.000	40.000.000
2	Ban kiểm soát	593.646.216	114.000.000	109.200.000
	Bà Phạm Thị Hồng	593.646.216		59.200.000
	Bà Phan Thùy Đoan		57.000.000	25.000.000
	Bà Tăng Tố Vân		57.000.000	25.000.000
3	Ban điều hành	630.160.241		59.200.000
	Ông Phan Hùng			
	Ông Lê Duy Diệp			
	Ông Nguyễn Văn Bính			
	Ông Nguyễn Xuân Thịnh			
	Bà Nguyễn Thu Oanh	630.160.241		59.200.000
	Tổng cộng	5.527.800.000	654.000.000	651.400.000



Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

STT	Tên cổ đông lớn	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Công ty cổ phần Nước Thủ Dầu Một	Tổ chức có ông Võ Văn Bình TV.HĐQT Dowaco giữ chức TV.HĐQT	15.780.833	15,78%	12.750.833	12,75%	Bán
			12.750.833	12,05%	12.050.833	12,05%	Bán
2	Công ty CP Nước - Môi trường Bình Dương	Tổ chức có ông Nguyễn Văn Thiên TV.HĐQT Dowaco, giữ chức CT.HĐQT	15.000.000	15,00%	17.700.000	17,70%	Mua



Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Công ty TNHH MTV TM DV Kỹ thuật D&B - tổ chức có ông Võ Văn Bình TV.HĐQT Dowaco, giữ chức Chủ tịch HĐTV, phát sinh hợp đồng mua vật tư phục vụ lắp đặt hệ thống nước cho khách hàng.

Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

Việc quản trị Công ty luôn được đảm bảo theo đúng pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ và các tiêu chí nhằm đảm bảo được hoạt động của Công ty một cách suôn sẻ nhất; theo đuổi các mục tiêu vì lợi ích của công ty và của các cổ đông, cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát hoạt động của công ty một cách hiệu quả, từ đó khuyến khích công ty sử dụng các nguồn lực một cách tốt nhất. Ngoài ra, Công ty luôn tăng cường kiến thức quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban giám đốc thông qua việc cử các cán bộ đi đào tạo theo thông báo của UBCKNN, các cơ quan liên quan và các lớp học quản trị công ty. Từ đó, nâng cao hiệu quả kinh doanh, nâng cao khả năng tiếp cận nguồn vốn, giảm chi phí vốn cũng như tạo dựng lòng tin đối với cổ đông, nhà đầu tư.



06



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- Ý kiến kiểm toán
- Báo cáo tài chính



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đề trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được kiểm toán của Công ty và các công ty con (dưới đây cùng với Công ty gọi chung là "Nhóm công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Võ Văn Học	Chủ tịch
Ông Phan Hùng	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Thịnh	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Bình	Thành viên
Ông Lê Duy Diệp	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thiện	Thành viên
Ông Võ Văn Bình	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Phạm Thị Hồng	Trưởng ban
Bà Phan Thủy Đoan	Thành viên
Bà Tăng Tố Văn	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Phan Hùng	Giám đốc
Ông Lê Duy Diệp	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Bình	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Thịnh	Phó Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư Vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Nhóm công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Nhóm công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Nhóm công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Giám đốc Nhóm công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm công ty tại bất kỳ thời

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Đảm bảo và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc Nhóm công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Nhóm công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Nhóm công ty công bố rằng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

CAM KẾT CỦA CÁC CHỦ ĐẦU TƯ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, các khoản nợ ngắn hạn của Nhóm công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Nhóm Công ty là 326.134.807.860 VND. Vào ngày lập báo cáo này không có lý do nào để Ban Giám đốc Nhóm công ty tin rằng các chủ đầu tư sẽ không tiếp tục tài trợ để Nhóm công ty có thể hoạt động liên tục trong tương lai. Do vậy, các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 vẫn được soạn thảo trên cơ sở Nhóm công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc



Rohan Hùng

Giám đốc

Đồng Nai, ngày 11 tháng 5 năm 2019





RSM Vietnam

Đu 3, Tòa nhà Sài Gòn 3
140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao,
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

T +8428 3827 3026

F +8428 3827 3027

www.rsmglobal.com/vietnam

Số: 19.133/HNBCKT-RSM HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Báo cáo kiểm toán và báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Nhóm công ty"), được lập ngày 31 tháng 12 năm 2018 từ trang 06 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

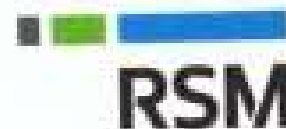
Ban Giám đốc Nhóm công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc báo cáo đến thuyết minh 2.6 trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, trong đó trình bày về việc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 các khoản nợ ngắn hạn của Nhóm công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Nhóm công ty là 326.134.807.860 VND. Đây là dấu hiệu cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Nhóm công ty. Vào ngày phát hành báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Nhóm công ty tin rằng Nhóm công ty vẫn tiếp tục hoạt động liên tục trong vòng 12 tháng tới kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán. Do vậy, các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 vẫn được soạn thảo trên cơ sở Nhóm công ty tiếp tục hoạt động liên tục. Ý kiến của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi vấn đề này.



Đặng Thị Hồng Loan
 Phó Tổng Giám đốc
 Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
 0425-2018-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
 TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2019

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thống lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

Trịnh Thanh Thanh
 Kiểm toán viên
 Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
 2620-2018-026-1



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DNHN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		284.321.364.983	521.960.390.013
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	75.587.200.801	149.819.830.828
1. Tiền	111		40.167.530.758	44.815.307.114
2. Các khoản tương đương tiền	112		35.419.670.045	105.204.523.814
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		15.000.000.000	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	15.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		142.089.970.066	289.459.492.457
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	68.138.507.157	78.278.753.508
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	66.816.311.168	195.489.266.354
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	15.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136		10.222.308.545	3.564.241.227
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.5	(3.087.157.804)	(2.872.768.632)
IV. Hàng tồn kho	140		39.806.041.895	52.002.047.706
1. Hàng tồn kho	141	4.6	39.806.041.895	52.002.047.706
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		11.838.152.221	30.679.018.922
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		287.459.191	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		10.898.034.527	19.464.119.138
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.13	21.586.878	10.514.106.241
4. Tài sản ngắn hạn khác	155		831.071.825	700.794.543
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.493.837.540.169	3.173.675.126.186
I. Tài sản cố định	220		3.209.995.556.815	2.549.281.042.569
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	2.888.621.816.521	2.221.901.946.391
Nguyên giá	222		4.592.704.822.837	3.756.872.352.631
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.704.083.006.316)	(1.534.970.406.240)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.9	321.373.740.294	327.379.096.178
Nguyên giá	228		356.231.013.290	354.283.857.290
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(34.857.272.996)	(26.904.761.112)
II. Bất động sản đầu tư	230		1.025.127.329	1.075.917.749
Nguyên giá	231		1.269.760.507	1.269.760.507
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(244.633.178)	(193.842.758)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		193.827.894.115	530.597.853.257
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.7	193.827.894.115	530.597.853.257
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		33.990.881.525	32.493.828.528
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	4.2	30.921.159.035	29.424.106.038
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	4.2	3.069.722.490	3.069.722.490
V. Tài sản dài hạn khác	260		54.998.080.375	60.226.484.083
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.10	54.799.339.749	59.836.895.508
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		198.740.626	389.588.575
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		3.778.158.905.142	3.695.635.516.199

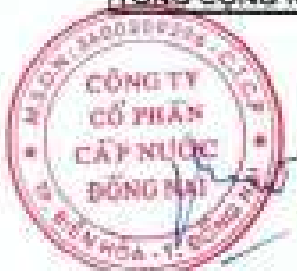
Số liệu này đã được kiểm tra và đúng

Mẫu số B 01 - DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
 Tại ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		2.416.100.315.601	2.403.040.328.759
I. Nợ ngắn hạn	310		610.456.172.843	641.807.982.622
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	4.11	61.659.481.060	52.345.421.620
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.12	17.234.058.462	16.191.039.624
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.13	14.280.357.538	6.184.888.722
4. Phải trả người lao động	314	4.14	12.855.647.019	17.178.945.584
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.15	16.422.429.564	14.534.102.619
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.16	7.358.862.862	6.528.966.856
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.17	462.997.402.466	505.872.231.466
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	4.19	17.627.933.872	22.984.388.151
II. Nợ dài hạn	330		1.805.644.142.758	1.761.232.346.137
1. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	4.12	3.867.902.038	7.744.759.978
2. Phải trả dài hạn khác	337	4.16	37.277.947.942	231.450.824.011
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.17	1.764.498.292.780	1.522.036.762.150
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.362.058.589.541	1.292.595.187.440
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.18.1	1.361.546.304.078	1.292.364.596.958
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.000.000.000.000	1.000.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		18.764.721.187	18.764.721.187
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		26.218.693.500	26.218.693.500
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(64.235.788.100)	(64.235.766.100)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		45.070.777.628	38.143.019.993
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		231.215.810.711	167.538.000.455
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		103.962.053.912	129.215.600.901
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		127.233.756.799	38.322.399.555
7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		104.512.066.972	105.935.927.943
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		512.285.463	230.590.482
1. Nguồn kinh phí	431		512.285.463	230.590.482
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		3.778.158.905.142	3.695.635.516.199



Phan Hùng
Giám đốc
Đồng Nai, ngày 18 tháng 5 năm 2019

Nguyễn Thu Anh
Kế Toán Trưởng

Đỗ Thị Thu Cúc
Người lập biểu



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 02 - DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2018	Năm 2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	1.011.801.793.230	956.026.756.682
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		231.475.448	56.306.287
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.011.370.317.782	954.970.450.395
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	642.047.102.780	593.918.244.754
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		369.323.215.002	361.052.205.641
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	5.527.848.594	7.180.058.910
7. Chi phí tài chính	22	5.4	79.300.193.381	159.287.174.498
Trong đó: chi phí lãi vay	23		60.032.562.236	54.166.116.725
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết	24		3.306.062.930	4.384.126.108
9. Chi phí bán hàng	25	5.5	91.665.666.429	104.615.892.029
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	5.6	61.000.856.038	55.081.694.369
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		146.190.199.678	54.591.879.763
12. Thu nhập khác	31		7.020.926.789	4.939.785.230
13. Chi phí khác	32		2.676.564.636	5.171.016.276
14. Lợi nhuận khác	40		4.344.362.153	(231.231.046)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		150.534.661.831	54.360.648.717
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.8	23.256.683.582	10.398.372.954
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		190.647.949	202.755.694
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		127.088.030.290	43.759.520.169
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		116.039.582.288	30.338.617.961
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		11.048.448.002	13.420.902.208
21. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu	70	4.18.3	1.039	267



Phan Hùng
Giám đốc
Đồng Nai, ngày 04 tháng 3 năm 2019

Nguyễn Thu Anh
Kế Toán Trưởng

Đỗ Thị Thu Cúc
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Nguyệt Thăng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DNHN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2018	Năm 2017
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		150.534.561.831	54.360.648.717
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.7	197.510.367.650	193.074.709.069
Các khoản dự phòng	03		214.389.172	529.818.406
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		17.850.671.160	101.686.150.671
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(8.412.191.354)	(11.627.797.268)
Chi phí lãi vay	06	5.4	60.032.562.236	54.166.116.725
Các khoản điều chỉnh khác	07		(4.210.002.611)	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động	08		413.520.358.054	392.189.646.320
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		175.644.196.404	7.202.337.624
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		12.196.005.811	(8.736.899.558)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(171.790.028.296)	(139.115.433.765)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		4.750.096.568	(13.858.958.198)
Tiền lãi vay đã trả	14		(60.013.203.733)	(54.075.051.306)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(4.864.279.443)	(25.996.098.024)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		2.678.952.538	4.782.277.097
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(12.713.323.384)	(13.902.976.968)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		359.408.774.619	148.588.844.222
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(274.722.629.318)	(229.723.632.754)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.316.545.455	18.460.516.644
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(15.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		36.000.000.000	5.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(15.000.000.000)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.745.563.762	9.206.502.445
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(247.660.520.101)	(212.066.613.665)

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 4B Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 03 - DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2018	Năm 2017
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	741.475.709.511	802.499.662.316
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(876.315.039.796)	(890.450.154.569)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	38		(51.141.554.260)	(88.393.334.890)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(185.980.884.545)	43.656.172.857
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TRONG NĂM (50 = 20+30+40)	50		(74.232.630.127)	(19.811.596.686)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		149.819.830.928	169.631.427.514
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM (70 = 50+60+61)	70	5.1	75.587.200.801	149.819.830.928



Phan Hùng
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 12 tháng 5 năm 2019

Nguyễn Thu Anh
Kế Toán Trưởng

Đỗ Thị Thu Cúc
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mẫu số B 09 – DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên Cấp nước Đồng Nai, một doanh nghiệp Nhà nước. Ngày 05 tháng 09 năm 2014, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai (DOWACO) theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3600259298 ngày 01 tháng 01 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp.

Công ty đã đăng ký giao dịch chứng khoán trên Sàn giao dịch Upcom và được cấp mã chứng khoán DNVr tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 53/2015/GCNCP-VSD ngày 03 tháng 07 năm 2015.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 1.000.000.000.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Quốc gia	Tại ngày 31/12/2018		Tại ngày 01/01/2018	
		Giá trị Ngàn đồng	Tỷ lệ (%)	Giá trị Ngàn đồng	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Cổ phần Phát Triển Khu Công nghiệp	Việt Nam	639.891.000	63,99%	639.891.000	63,99%
Các nhà đầu tư khác	Việt Nam	360.109.000	36,01%	360.109.000	36,01%
Cộng		1.000.000.000	100%	1.000.000.000	100%

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 48 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Công ty có đầu tư vào 02 công ty con như được trình bày tại mục 1.5 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Nhóm công ty").

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2018 gồm:

- Chi nhánh cấp nước Tân Định;
- Chi nhánh cấp nước Thiện Tâm;
- Chi nhánh cấp nước Xuân Lộc;
- Chi nhánh cấp nước Nhơn Trạch;
- Chi nhánh cấp nước Vĩnh An;
- Chi nhánh cấp nước Long Bình;
- Chi nhánh cấp nước Biên Hòa;
- Chi nhánh cấp nước Long Thành;
- Chi nhánh cấp nước Thành Phú;
- Chi nhánh Quản lý các dự án cấp nước Đồng Nai.

Tổng số nhân viên của Nhóm công ty tại ngày 31/12/2018 là 1.101 (31/12/2017 là: 1.232).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Khai thác và cung cấp nước sạch.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Nhóm công ty là:

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước: Khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt đô thị và công nghiệp, phân phối nước sạch;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại: Sản xuất các sản phẩm cơ khí chuyên ngành nước;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Kinh doanh vật tư thiết bị phụ kiện chuyên ngành nước;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Thiết kế công trình cấp nước, thiết kế hệ thống cấp nước cho công trình, thiết kế công trình thoát nước. Khảo sát, giám sát thi công, thẩm tra các công trình cấp nước;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí: Lắp đặt hệ thống cấp nước, thoát nước;
- Xây dựng công trình công ích: Xây dựng các công trình cấp thoát nước;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật: Kiểm định đồng hồ đo nước từ 15mm đến 100mm.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm công ty là 12 tháng.

1.5. Các công ty con được hợp nhất

Các công ty con trực tiếp:

STT	Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1.	Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch	Khu Công nghiệp Nhơn Trạch, Số 319B, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	52,44%	52,44%
2.	Công ty Cổ phần Cấp nước Long Khánh	Số 02 Bis, Cách Mạng Tháng Tám, Phường Xuân Bình, Thị xã Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	51,00%	51,00%

1.6. Các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

STT	Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1.	Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	Số 52 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	36%	36%
2.	Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân	Số 48 Cách Mạng Tháng Tám, Phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	25%	25%

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH****2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Nhóm công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm công ty từ 01 tháng 01 đến 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

2.5. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính của Nhóm công ty mà trong đó tài sản, nợ, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và dòng tiền của công ty mẹ và các công ty con được trình bày như một doanh nghiệp độc lập không tính đến ranh giới pháp lý của các công ty riêng biệt. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và công ty mẹ.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua là ngày Nhóm công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con, trừ trường hợp quyền kiểm soát của Nhóm công ty chỉ là tạm thời khi công ty con chỉ được mua và nắm giữ cho mục đích bán lại trong thời gian không quá 12 tháng.

Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong thu nhập thuần và tài sản thuần của công ty con được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Phương pháp loại trừ giao dịch nội bộ

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

2.6. Giả định hoạt động liên tục

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, các khoản nợ ngắn hạn của Nhóm công ty đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Nhóm Công ty là 328.134.807.890 VND. Vào ngày lập báo cáo này không có lý do nào để Ban Giám đốc Nhóm công ty tin rằng các chủ đầu tư sẽ không tiếp tục tài trợ để Nhóm công ty có thể hoạt động liên tục trong tương lai. Do vậy, các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 vẫn được soạn thảo trên cơ sở Nhóm công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Ngoại tệ

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá tính chéo của Đồng Việt Nam so với một số ngoại tệ áp dụng tính thuế xuất khẩu và thuế nhập khẩu do Ngân hàng Nhà nước công bố.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

3.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán số 24 – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

3.4. Đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản như các khoản tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Các khoản cho vay được ghi nhận theo giá gốc.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác****Đầu tư vào công ty liên kết**

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Nhóm công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư vào công ty liên kết ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Sau đó, giá trị của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng giảm tương ứng với phần sở hữu của Nhóm công ty trong lợi lỗ của công ty liên kết sau ngày mua.

Các khoản phân phối từ công ty liên kết sau ngày mua được ghi giảm giá trị của khoản đầu tư.

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

3.5. Nợ phải thu**Nguyên tắc ghi nhận**

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi là giá trị dự kiến tổn thất do khách hàng không thanh toán cho các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính và đánh giá của Ban Giám đốc dựa trên khả năng thu hồi các khoản nợ phải thu này tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.6. Hàng tồn kho**Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 45 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

3.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

• Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
• Máy móc thiết bị	05 - 20 năm
• Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 - 20 năm
• Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
• Tài sản cố định hữu hình khác	10 năm

3.8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình**Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng là đất từ 20 đến 48 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)*Phần mềm máy vi tính*

Phần mềm kế toán không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

Chi phí quy hoạch bán đồ

Chi phí quy hoạch bán đồ tỉnh Đồng Nai đến năm 2010 và định hướng phát triển đến năm 2020 được ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Chi phí quy hoạch bán đồ được khấu hao trong 04 năm.

3.9. Chi phí xây dựng dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Nhóm công ty.

Các chi phí này sẽ được chuyển sang là nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

3.10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ xuất dùng. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- Công cụ, dụng cụ được phân bổ 3 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn doanh nghiệp không thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được phân bổ từ 1 đến 3 năm.

3.11. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.12. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**3.13. Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

3.14. Nguồn vốn chủ sở hữu**Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong năm vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo quy định trong Điều lệ của các công ty trong Nhóm công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.15. Doanh thu và thu nhập khác**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó.

Thu nhập đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Kết quả kinh doanh của công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất tương ứng với tỷ lệ sở hữu của Nhóm công ty trong công ty liên doanh liên kết.

3.16. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**3.17. Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính chủ yếu bao gồm lãi vay, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ và lỗ tỷ giá hối đoái.

3.18. Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí lắp đặt hệ thống nước cho khách hàng là hộ gia đình, chi phí thay thế đồng hồ nước, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (cả hoạt động lắp đặt).

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

3.19. Thuế***Thuế thu nhập doanh nghiệp******Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành***

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Ưu đãi, miễn giảm thuế

Theo quy định tại điểm b, khoản 1, điều 15 Nghị định 218/2013/NĐ-CP, Công ty được hưởng mức thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn 15 năm (kể từ năm 2015) đối với các dự án đầu tư mở rộng nhà máy nước, nhà máy điện, hệ thống cấp thoát nước.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Nhóm công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- | | |
|--|-----------------|
| • Dịch vụ cung cấp nước: | 5% |
| • Dịch vụ lắp đặt công trình công cộng | Không chịu thuế |
| • Dịch vụ lắp đặt khác | 10% |

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Nhóm công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với báo cáo thuế của các công ty trong Nhóm công ty.

3.20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Nhóm công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Nhóm công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**3.21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Nhóm công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Nhóm công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.22. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

3.23. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Nhóm công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Nhóm công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Nhóm công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Nhóm công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Nhóm công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Nhóm công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Tiền mặt	444.734.745	248.955.481
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	39.722.796.011	44.388.341.653
Các khoản tương đương tiền	35.419.670.045	105.204.523.814
Cộng	79.577.200.801	148.548.820.948

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Điện Biên, Tỉnh Điện Biên, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.2. Các khoản đầu tư tài chính**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi kỳ hạn 6 tháng tại các ngân hàng với lãi suất từ 6,7% – 6,8%/năm.

Đầu tư góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2018 VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết				
Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân	15.000.000.000	15.351.191.274	15.000.000.000	14.958.882.119
Công ty Cổ phần Dịch Vụ và Xây dựng Cấp Nước Đồng Nai	7.800.368.003	15.569.967.761	7.800.368.003	14.465.223.919
Cộng	22.800.368.003	30.921.159.035	22.800.368.003	29.424.106.038

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2018 VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào đơn vị khác:				
Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức	1.039.722.490	(*)	1.039.722.490	(*)
Công ty Cổ phần Dịch Vụ Sonadezi	2.030.000.000	2.030.000.000	2.030.000.000	2.030.000.000
Cộng	3.069.722.490		3.069.722.490	

(*) Tại ngày báo cáo, Nhóm công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan – Xem thêm mục 8	6.529.540.751	24.723.643.674
Phải thu từ khách hàng khác	61.608.986.408	53.555.109.834
Cộng	68.138.527.157	78.278.753.508

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Trả trước cho người bán là các bên liên quan – Xem thêm mục 8	183.684.420	-
Công ty Kumho Industrial Co.,Ltd	64.347.260.399	186.536.378.878
Các nhà cung cấp khác	2.265.366.349	8.952.887.476
Cộng	66.816.311.168	195.489.266.354

4.5. Nợ xấu

	Tại ngày 31/12/2018 VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	3.514.997.931	427.840.127	3.262.024.569	389.255.937

Ban Giám đốc Công ty đánh giá khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn là thấp vì các khoản phải thu đã quá hạn từ lâu.

4.6. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2018 VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	37.099.423.071	-	44.486.795.320	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.405.303.228	-	7.293.977.540	-
Công cụ, dụng cụ	301.315.596	-	221.274.846	-
Cộng	39.806.041.895	-	52.002.047.706	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Dự án xây dựng hệ thống cấp nước Thiện Tân giai đoạn 2	74.980.313.187	398.234.729.958
Dự án xây dựng hệ thống cấp nước Nhơn Trạch giai đoạn 2	90.585.054.910	53.978.181.709
Các dự án khác	28.282.528.038	78.386.961.590
Cộng	193.827.894.115	530.597.853.257

Nhóm công ty đang đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước Thiện Tân Giai đoạn 2 và Nhơn Trạch Giai đoạn 2. Tổng giá trị đầu tư của các dự án trên theo dự toán lần lượt là 1.277.084.000.000 VND và 3.567.712.000.000 VND. Để thực hiện các dự án trên, Nhóm công ty đã ký kết hợp đồng xây lắp nhà thầu Kumho Industrial Co., Ltd và hợp đồng tư vấn với nhà thầu Công ty Kỹ thuật Dohwa. Tổng giá trị các hợp đồng lần lượt là 38.090.157.368 KRW và 1.753.089.328 KRW. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2018, các nhà thầu đã thực hiện và bàn giao khối lượng với tổng giá trị lần lượt là 29.996.669.380 VND và 1.687.350.172 VND.

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2018	699.990.148.368	885.985.678.967	2.111.652.858.881	51.571.291.167	7.562.375.248	3.756.872.352.631
Mua trong kỳ	-	10.189.153.068	988.909.091	570.126.364	81.303.000	11.829.491.523
Đầu tư XDCB hoàn thành	226.519.327.473	191.326.351.302	422.625.928.498	-	-	840.471.607.273
Thanh lý, nhượng bán	(3.173.435.995)	(1.695.259.736)	(14.914.883.816)	(756.845.485)	-	(20.541.435.033)
Phân loại lại	(617.156.000)	443.160.832	4.210.002.611	36.800.000	-	4.072.807.443
Tại ngày 31/12/2018	922.718.682.846	1.086.258.074.433	2.524.562.815.265	51.421.372.045	7.743.678.248	4.592.704.822.837
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2018	334.699.093.167	410.665.470.401	764.290.571.829	31.544.624.517	3.570.646.327	1.534.970.406.240
Khấu hao trong kỳ	43.903.939.434	53.855.733.485	86.479.144.788	4.623.815.685	896.055.496	189.758.788.908
Thanh lý, nhượng bán	(3.051.872.375)	(1.690.003.666)	(14.914.883.816)	(737.705.413)	-	(20.394.465.270)
Phân loại lại	(29.905.380)	-	(221.818.162)	-	-	(251.723.562)
Tại ngày 31/12/2018	375.511.254.846	463.041.200.230	825.633.014.628	35.430.834.789	4.466.701.823	1.704.093.006.316
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2018	365.291.055.201	475.130.208.566	1.357.362.287.053	20.026.666.650	4.091.728.921	2.221.501.946.391
Tại ngày 31/12/2018	547.207.628.000	623.216.874.203	1.698.929.800.637	15.990.537.256	3.276.976.425	2.888.621.816.521

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình là 1.429.521.397.972 VND đã được dùng để chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm mục 4.17.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 297.352.513.849 VND.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Quy hoạch bán đồ VND	Phần mềm kế toán VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá:				
Tại ngày 01/01/2018	350.602.968.175	2.814.843.027	866.048.088	354.283.857.290
Mua trong kỳ	617.156.000	-	1.330.000.000	1.947.156.000
Tại ngày 31/12/2018	351.220.122.175	2.814.843.027	2.196.048.088	356.231.013.290
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Tại ngày 01/01/2018	24.762.625.196	1.524.816.273	617.319.643	26.904.761.112
Khấu hao trong kỳ	7.487.664.924	62.024.660	402.822.300	7.952.511.884
Tại ngày 31/12/2018	32.250.290.120	1.586.840.933	1.020.141.943	34.857.272.996
Giá trị còn lại:				
Tại ngày 01/01/2018	325.840.340.979	1.290.026.754	248.728.445	327.379.096.178
Tại ngày 31/12/2018	318.969.832.055	1.228.002.094	1.175.906.145	321.373.740.294

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình là 313.969.380.025 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm mục 4.17.

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.725.612.088 VND.

4.10. Chi phí trả trước

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Ngắn hạn:		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	287.459.191	-
Dài hạn:		
Chi phí thay thế, lắp đặt đồng hồ điện tử cho khách hàng	22.360.284.229	25.322.896.557
Chi phí sửa chữa cải tạo các hệ thống cấp nước và tuyến ống cấp nước	30.574.812.616	30.615.957.240
Các khoản khác	1.854.262.904	3.597.542.711
Cộng	54.799.339.749	59.836.896.508



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.11. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2018 VND		Tại ngày 01/01/2018 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên liên quan				
– Xem thêm mục 8	15.248.713.958	15.248.713.958	20.331.008.500	20.331.008.500
Phải trả cho người bán				
Công ty TNHH Thương mại N.T.P	6.447.755.600	6.447.755.600	5.209.476.800	5.209.476.800
Công ty CP Nhựa Đồng Nai	4.134.003.203	4.134.003.203	8.731.451.410	8.731.451.410
Phải trả cho các đối tượng khác	35.829.008.301	35.829.008.301	18.073.486.910	18.073.486.910
Cộng	61.659.481.060	61.659.481.060	52.345.421.620	52.345.421.620

4.12. Người mua trả tiền trước

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Ngắn hạn:		
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan		
– Xem thêm mục 8	1.921.276.202	1.274.776.693
Các khách hàng khác	15.312.782.260	14.916.262.931
Cộng	17.234.058.462	16.191.039.624
Dài hạn:		
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan		
– Xem thêm mục 8	2.000.000.000	5.876.857.940
Các khách hàng khác	1.867.902.036	1.867.902.036
Cộng	3.867.902.036	7.744.759.976

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.13. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 31/12/2018		Trong kỳ		Tại ngày 01/01/2018	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
	VND					
Thuế giá trị gia tăng	-	593.908.911	1.546.506.718	1.616.617.510	-	664.019.703
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	8.491.578.350	23.255.683.582	4.864.279.443	10.514.105.241	614.279.442
Thuế thu nhập cá nhân	21.586.678	263.629.329	3.325.375.218	3.174.985.048	-	81.662.481
Thuế tài nguyên	-	141.349.981	8.238.994.700	8.801.332.772	-	703.688.053
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	432.204.144	471.612.180	471.612.180	-	432.204.144
Các loại thuế khác	-	4.357.686.823	37.847.100.503	37.148.448.579	-	3.659.034.899
Cộng	21.586.678	14.280.357.538	74.685.272.911	56.077.285.532	10.514.105.241	6.164.888.722

4.14. Phải trả người lao động

Là quỹ lương còn phải trả cho người lao động.

(Xem trang tiếp theo)



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.15. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Chi phí lãi vay phải trả	13.578.886.426	11.306.158.152
Các khoản trích trước khác	2.843.543.138	3.227.944.467
Cộng	16.422.429.564	14.534.102.619

4.16. Phải trả khác

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Ngắn hạn:		
Cổ tức phải trả	327.478.500	230.206.100
Tiền nước chưa quyết toán	585.838.522	515.704.376
Phí bảo vệ môi trường	2.727.419.894	2.527.845.180
Kinh phí công đoàn	1.495.325.132	1.631.146.878
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.232.800.814	1.622.064.324
Cộng	7.368.862.862	6.526.966.858
Dài hạn:		
Công ty Kumho Industrial Co.,Ltd – Dự án Xây dựng nhà máy nước Thiện Tân giai đoạn 2	33.127.249.852	225.344.268.369
Phải trả nhà thầu Dohwa – dự án Thiện Tân giai đoạn 2	999.044.917	2.953.802.978
Bồi thường di dời trạm bơm nước thô Biên Hòa	1.905.000.000	1.905.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.246.653.173	1.247.752.664
Cộng	37.277.947.942	231.450.824.011

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.17. Vay và nợ thuê tài chính

	Tại ngày 31/12/2018		Trong năm		Tại ngày 01/01/2018	
	VND		VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	462.997.402.466	462.997.402.466	581.150.486.607	654.304.312.741	505.872.231.466	505.872.231.466
Vay dài hạn	1.764.498.292.780	1.764.498.292.780	507.847.396.512	235.106.868.748	1.522.036.762.150	1.522.036.762.150
Cộng	2.227.495.695.246	2.227.495.695.246	1.088.997.883.119	889.411.181.489	2.027.908.993.616	2.027.908.993.616
Các khoản vay được chi tiết như sau:						
Vay ngắn hạn:						
	Loại tiền	Lãi suất	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018	(a)	(b)
	VND	5,5%-7,0%/năm	89.896.200.656	163.977.702.242		
	VND	5,0% - 7%/năm	142.393.243.529	106.990.920.718		
	VND	5,5%/năm	-	9.474.647.359		
	VND	4,3% - 4,8%/năm	-	25.000.000.000		
Vay dài hạn đến hạn trả:						
	VND	7,5% - 9,5%/năm	56.089.300.420	43.019.057.878	(c)	(d)
	VND	7,0% - 7,5%/năm	19.592.000.000	11.509.400.000		
	VND	8,0% - 9,2%/năm	9.925.700.000	4.955.600.000	(e)	(f)
	JPY, KRW	1,3% - 3,53%/năm	136.479.271.193	134.951.736.601		
	VND	6,91% - 7,21%/năm	1.157.166.668	1.157.166.668	(g)	(h)
	VND	8,98% - 9,4%/năm	4.836.000.000	4.836.000.000		
	VND	10%/năm	2.618.520.000	-	(i)	(j)
Cộng			462.997.402.466	505.872.231.466		



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

	Loại tiền	Lãi suất	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Vay dài hạn:				
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai	VND	7,5% – 9,5%/năm	110.179.510.017	138.035.397.695 (c)
Quý Đầu Tư Phát Triển Đồng Nai	VND	7,0% – 7,5%/năm	119.467.034.796	76.676.299.896 (d)
Ngân hàng TMCP Á Châu	VND	8,0% – 9,2%/năm	36.369.856.966	14.852.783.244 (e)
Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai	JPY, KRW	1,3% – 3,53%/năm	1.382.734.104.538	1.198.998.798.878 (f)
Ngân hàng TNHH MTV Shienhan Việt Nam	VND	6,91% – 7,21%/năm	2.662.916.662	4.050.063.330 (g)
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	VND	8,98% – 9,4%/năm	30.228.818.907	35.064.818.907 (h)
Ngân hàng TMCP Phát Triển Thành Phố Hồ Chí Minh	JPY	0,97%/năm	69.533.050.894	54.358.580.200 (i)
Ngân hàng TMCP Phát Triển Thành Phố Hồ Chí Minh	VND	10%/năm	13.093.000.000	- (j)
Cộng			1.764.488.292.700	1.522.036.762.150

Thông tin về tài sản cầm cố, thế chấp đảm bảo cho các khoản vay như sau:

- (a) và (c) Khoản vay được đảm bảo bằng:
 - Một phần Nhà máy nước Thiện Tân theo Hợp đồng thế chấp số 11.52.11/HĐTC-CN-TT1 ngày 10/07/2011;
 - Hệ thống cấp nước Thạnh Phú. Hợp đồng thế chấp số 11.52.11/HĐTC-CN-TP ngày 10/07/2011;
 - Quyền sử dụng đất tại P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai theo GCN QSD đất số 0934404; Quyền sở hữu nhà ở và QSD đất ở tại P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai theo GCN QSH nhà ở và QSD đất ở số 747312604100101;
 - Hệ thống cấp nước Nhóm Trạch Giai đoạn 1 và Giai đoạn 2 hình thành trong tương lai.

(d) Khoản vay được đảm bảo bằng:

- Nhà làm việc Xi nghiệp nước Xuân Lộc tại Thị trấn Gia Ray, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai;
- Hệ thống cấp nước thị trấn Định Quán và hệ thống cấp nước Phường Tân Biên, TP. Biên Hòa;
- Tài sản hình thành trong tương lai: Hệ thống cấp nước xã Long Hưng Giai đoạn 2; Hệ thống cấp nước Vĩnh Cửu 15.000m³; Hệ thống cấp nước Thị trấn Trảng Bom Giai đoạn 2; Hệ thống cấp nước xã Vĩnh Tân - Tr. An; Hệ thống cấp nước xã Bình Sơn, huyện Long Thành và Hệ thống cấp nước xã Long An, huyện Long Thành.

(e) Khoản vay được đảm bảo bằng dự án công trình hệ thống cấp nước Phường Tân Phong, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, công suất 7.000m³/ngày và các tài sản hình thành sau Cải tạo, lắp đặt các tuyến ống trên địa bàn T.Đồng Nai.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

(f) Khoản vay được đảm bảo bằng:

- Tài sản hình thành trong tương lai của dự án Hệ thống cấp nước Nhơn Trạch;
- Tài sản hình thành trong tương lai của dự án Hệ thống cấp nước Thiên Tân Giai đoạn 2.

(b), (g), (h), (i) và (j) là các khoản vay không có đảm bảo bằng tài sản.

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình đảm bảo cho các khoản vay lên lượt là 1.428.521.397,972 VND và 313.959.380.025 VND – Xem thêm mục 4.8 và mục 4.9.

4.18. Vốn chủ sở hữu

4.18.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu															
	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Vốn khác của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển		Chênh lệch đánh giá lại tài sản		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2017	1.000.000.000.000	-	18.764.721.167	-	13.109.346.750	35.102.584.628	(64.235.766.100)	224.843.102.330	-	30.338.617.961	-	102.428.176.497	1.330.112.165.272	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	43.759.520.169	-	-	-
Tăng vốn năm trước	-	-	-	-	13.109.346.750	(13.109.346.750)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Trích quỹ ĐTPT	-	-	-	-	-	16.149.782.115	-	(16.149.782.115)	-	-	-	-	-	-	-	-
Trích quỹ KTPL	-	-	-	-	-	-	-	(11.593.937.721)	-	-	-	(1.308.754.762)	(12.902.692.483)	-	-	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(60.000.000.000)	-	-	-	(8.604.396.000)	(68.604.396.000)	-	-	-
Tại ngày 01/01/2018	1.000.000.000.000	-	18.764.721.167	-	26.218.693.500	38.143.019.993	(64.235.766.100)	167.538.000.455	105.935.927.943	1.292.364.596.958	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	116.039.562.288	-	-	-	11.048.446.002	127.088.030.290	-	-	-
Trích quỹ ĐTPT	-	-	-	-	-	6.927.757.836	-	(6.927.757.836)	-	-	-	-	-	-	-	-
Trích quỹ KTPL	-	-	-	-	-	-	-	(5.434.014.197)	-	-	-	(1.122.280.973)	(6.556.295.170)	-	-	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(40.000.000.000)	-	-	-	(11.350.028.000)	(51.350.028.000)	-	-	-
Tại ngày 31/12/2018	1.000.000.000.000	-	18.764.721.167	-	26.218.693.500	45.070.777.828	(64.235.766.100)	231.215.616.711	104.512.066.972	1.361.546.304.078	-	-	-	-	-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.18.2. Cổ phiếu**

	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	100.000.000	100.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	100.000.000	100.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	100.000.000	100.000.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

4.18.3. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Nhóm công ty	116.039.582.288	30.338.617.961
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(12.184.156.140)	(3.630.980.537)
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	103.855.426.148	26.707.637.424
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	100.000.000	100.000.000
Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.039	267

4.18.4. Cổ tức

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Cổ tức trên mỗi cổ phần của cổ phiếu phổ thông	400	600

4.19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	Tại ngày 31/12/2018	Tại ngày 01/01/2018
Ngoại tệ các loại:		
USD	4.232,09	5.440,81

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT**5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Doanh thu bán hàng	942.790.968.987	894.298.947.243
Doanh thu cung cấp dịch vụ	68.810.824.243	60.727.808.439
Cộng	1.011.601.793.230	955.026.755.682
Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan – Xem thêm mục 8	135.452.473.101	139.035.230.958

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.2. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Giá vốn cung cấp nước	574.927.457.504	631.499.403.858
Giá vốn của dịch vụ lắp đặt và dịch vụ khác	67.119.645.276	62.418.840.896
Cộng	642.047.102.780	593.918.244.754

5.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.739.058.782	6.972.147.160
Cổ tức, lợi nhuận được chia	197.505.000	187.951.750
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.591.082.832	-
Cộng	5.527.646.594	7.160.098.910

5.4. Chi phí tài chính

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền vay	60.032.562.236	64.166.116.725
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.416.959.985	2.434.907.102
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	17.850.671.160	101.696.150.671
Cộng	79.300.193.381	168.287.174.498

5.5. Chi phí bán hàng

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nhân viên	18.933.381.355	41.562.295.122
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	31.586.787.176	19.468.020.309
Chi phí lắp đặt hệ thống nước, thay thế bảo hành đồng hồ	36.042.772.988	34.653.084.624
Chi phí khấu hao	1.263.101.535	1.159.875.298
Các khoản chi phí bán hàng khác	3.839.623.377	7.772.616.676
Cộng	91.665.666.429	104.615.692.029



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nhân viên	37.645.854.685	35.248.523.230
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.363.060.610	2.937.528.290
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	19.991.939.743	15.895.632.849
Cộng	61.000.855.038	55.081.684.369

5.7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	96.064.457.888	107.856.741.531
Chi phí nhân công	187.541.988.021	181.381.710.476
Chi phí khấu hao tài sản cố định	197.510.367.650	193.074.709.069
Chi phí dịch vụ mua ngoài	84.370.027.731	72.495.466.367
Chi phí khác bằng tiền	224.352.840.344	200.466.986.805
Cộng	789.839.681.634	755.275.614.248

5.8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ được xác định như sau:

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	150.534.561.831	54.360.648.717
Cộng: Điều chỉnh lợi nhuận do hợp nhất báo cáo tài chính	10.561.603.084	6.021.038.417
Cộng: Các khoản chi phí không hợp lý, hợp lệ	3.285.062.070	3.002.733.387
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm (Cổ tức và lợi nhuận sau thuế được chia)	(11.392.555.750)	(11.392.555.750)
Thu nhập chịu thuế từ hoạt động kinh doanh	152.988.671.235	51.991.864.771
Thu nhập được ưu đãi thuế (thuế suất 10%)	(67.392.664.042)	-
Thu nhập tính thuế áp dụng thuế suất thông thường	85.596.007.193	51.991.864.771
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh	16.518.417.188	10.398.372.954
Thuế TNDN từ thu nhập được ưu đãi thuế (thuế suất 10%)	6.739.266.404	-
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập tính thuế kỳ hiện hành	23.256.683.592	10.398.372.954

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí thu nhập khi tính thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT****6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm**

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	741.475.709.511	802.499.682.316

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	876.315.039.796	690.450.154.589

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN*Theo lĩnh vực kinh doanh*

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Nhóm công ty là: Khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt đô thị và công nghiệp, phân phối nước sạch và cung cấp dịch vụ lắp đặt hệ thống chuyên ngành nước. Ngoài ra, Nhóm công ty không hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh nào khác. Do đó, Nhóm công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh, vì các báo cáo tài chính hợp nhất đã trình bày đầy đủ các thông tin theo lĩnh vực kinh doanh.

Theo khu vực địa lý

Nhóm Công ty không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Nhóm Công ty hoàn toàn tại tỉnh Đồng Nai nên không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

1. Tổng Công ty Cổ phần Phát Triển Khu Công nghiệp	Công ty mẹ
2. Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	Công ty liên kết
3. Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân	Công ty liên kết
4. Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi	Công ty cùng tập đoàn
5. Công ty Cổ phần Phát Triển Đô Thị Công Nghiệp Số 2	Công ty cùng tập đoàn
6. Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền	Công ty cùng tập đoàn
7. Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	Công ty cùng tập đoàn
8. Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	Công ty cùng tập đoàn
9. Các công ty con, công ty liên kết khác thuộc Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp	Công ty cùng tập đoàn
10. HỘI đồng quản trị và Ban Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

Giao dịch nội bộ giữa các công ty trong Nhóm công ty đã được loại trừ toàn bộ trong quá trình hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2018 VND	Tại ngày 01/01/2018 VND
Phải thu thương mại:		
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	293.508.224	13.803.337.692
Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân	50.591.355	-
Các công ty cùng tập đoàn	6.185.441.162	10.920.305.962
Cộng – Xem thêm mục 4.3	6.529.540.751	24.723.643.674
Trả trước cho người bán – Xem thêm mục 4.4		
Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi	183.684.420	-
Phải trả thương mại – Xem thêm mục 4.11		
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	(15.248.713.958)	(20.331.006.500)
Người mua trả tiền trước:		
Công ty Cổ phần Phát Triển Đô Thị Công Nghiệp Số 2	(2.000.000.000)	(2.118.000.000)
Công ty Cổ phần Sonadezi Giang Điền	(962.606.436)	(4.000.762.797)
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	(807.960.209)	-
Công ty Cổ phần Sonadezi Long Bình	(150.709.557)	-
Công ty Cổ phần Sonadezi An Bình	-	(1.032.871.836)
Cộng – Xem thêm mục 4.12	(3.921.276.202)	(7.151.634.633)
Trong kỳ, Nhóm Công ty đã có giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:		
	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ:		
Công ty cùng tập đoàn	129.794.378.252	128.066.133.549
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	5.198.100.439	10.809.459.452
Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Tân	239.090.910	25.038.182
Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp	220.903.500	134.699.775
Cộng – Xem thêm mục 5.1	135.452.473.101	139.035.230.958
Mua hàng:		
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	75.094.277.778	62.116.330.408
Các công ty cùng tập đoàn	35.607.535.129	10.528.221.828
Cộng	110.701.812.907	72.644.552.236

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 45 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác của Nhóm công ty được chi tiết như sau:

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Thù lao và thu nhập	6.016.353.785	5.492.954.550

9. THU NHẬP BAN KIỂM SOÁT NHÓM CÔNG TY

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Tiền lương và các chi phí hoạt động	816.846.215	686.707.700

10. SỐ LIỆU SO SÁNH

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (Trích):

	Tại ngày 01/01/2018 VND (Được báo cáo lại)	Tại ngày 01/01/2018 VND (Đã được báo cáo trước đây)
Trả trước cho người bán ngắn hạn	195.489.266.354	187.841.222.790
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	10.514.105.241	9.042.275.471
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	530.597.853.257	546.111.168.934
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	167.538.000.455	173.931.442.798
	Tại ngày 01/01/2017 VND (Được báo cáo lại)	Tại ngày 01/01/2017 VND (Đã được báo cáo trước đây)
Trả trước cho người bán ngắn hạn	150.233.202.089	147.001.481.227
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	374.860.786.725	380.655.093.374
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	9.782.275.087	10.193.567.592
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	224.943.102.330	227.094.395.612

(Xem trang tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 48 Cách Mạng Tháng Tám, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Trích):

	Năm 2017 VND (Được báo cáo lại)	Năm 2017 VND (Đã được báo cáo trước đây)
Chi phí tài chính	158.287.174.498	152.984.488.172
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	54.380.648.717	59.663.335.043
Chi phí thuế TNDN hiện hành	10.388.372.854	11.458.910.219
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	43.759.520.169	48.001.669.230
Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu	287	309

Việc báo cáo lại số liệu so sánh nêu trên là do trình bày lại khoản chênh lệch tỷ giá giữa thời điểm thu hồi tạm ứng và thời điểm thanh toán so với thời điểm nghiệm thu, liên quan đến các khoản thanh toán cho các nhà thầu nước ngoài của dự án xây dựng hệ thống cấp nước Thiện Tân Giai đoạn II.

11. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.



Phan Hùng
Giám đốc
Đồng Nai, ngày 17 tháng 3 năm 2019

Nguyễn Thu Anh
Kế toán trưởng

Đỗ Thị Thu Cúc
Người lập

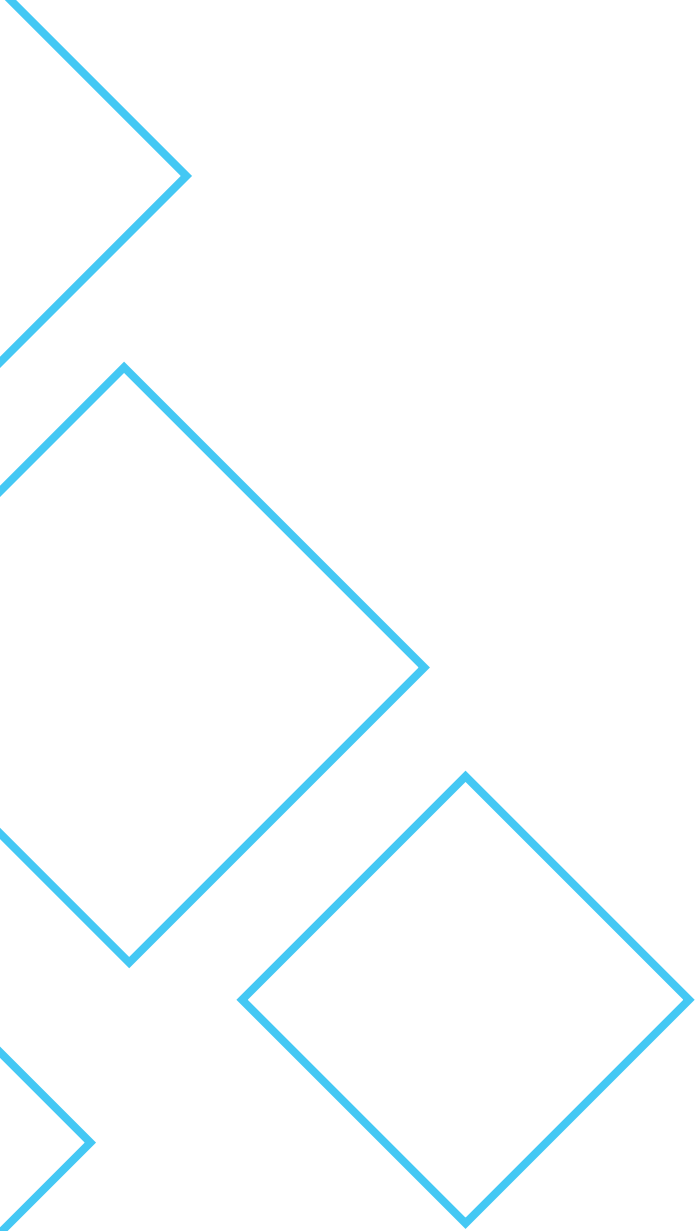


Đồng Nai, ngày 28 tháng 3 năm 2019

Người đại diện theo pháp luật



Phan Hùng



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

48 Cách Mạng Tháng 8, Phường Quyết Thắng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

capnuocdongnai@dowaco.vn

(0251) 384 3316